

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG
TỔ KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC: **HD TNHH 9**

(Năm học 2026 - 2027)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp: 02; Số học sinh: 76

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: 08 ; Trình độ đào tạo: Đại học: 08.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 08.

3. Thiết bị dạy học:

ST T	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
---------	------------------	----------	------------------------------	---------

1	Hệ thống âm thanh, loa đài, micro	Theo lớp	SHDC, các buổi giao lưu văn nghệ, kịch tương tác	
2	Máy tính kết nối Internet, Tivi/Máy chiếu	Theo lớp	HĐGD theo chủ đề, Sinh hoạt lớp, xem video tư liệu	
3	Smartphone/Máy ảnh/Máy tính bảng	Theo HS	Quay phim, chụp ảnh tư liệu, thực hiện khảo sát số	
4	Phần mềm (Canva, Excel, Mindmap, CapCut)	Tài khoản	Thiết kế poster, sơ đồ tư duy, biên tập video, bảng tính	
5	Các ứng dụng Chatbot AI, Google Forms	Tài khoản	Thực hành năng lực AI, làm phiếu khảo sát, tự đánh giá	

4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi: Sân trường (SHDC), Lớp học (SHTCĐ, SHL), Phòng máy tính,.

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình (Tổng 105 tiết):

ST T	Bài học/Chủ đề (Tiết theo phân phối)	Số tiết	Yêu cầu cần đạt (Gắn với biểu hiện NLS & AI)	Mã hóa NSL	Mã hóa NL AI
1	SHDC: Khai giảng và Phát động truyền thống	1	Tìm tư liệu ảnh truyền thống; tham gia bình chọn qua mã QR; thiết kế Vlog.	1.1.TC2b; 2.1.TC2a; 3.1.TC2b	9.A3.2; 9.B2.1; 9.D1.1
2	SHTCĐ: Tôn trọng sự khác biệt	1	Phân tích ảnh số đa chiều; dùng Whiteboard thảo luận; hiểu thành kiến của AI.	1.2.TC2b; 2.4.TC2a; 5.2.TC2c	9.A2.2; 9.B3.1; 9.A3.1
3	SHL: Chia sẻ kết quả tôn trọng khác biệt	1	Chia sẻ phim ngắn nhóm lớp; bảo vệ quyền riêng tư; tự đánh giá qua biểu mẫu.	2.2.TC2a; 4.2.TC2a; 5.4.TC2a	9.A3.2; 9.B2.1; 9.D2.1
4	SHDC: Trao đổi phòng, tránh bắt nạt học đường	1	Truy cập "Thùng thư an toàn" số; giải thích biện pháp tránh bắt nạt mạng.	1.1.TC2c; 4.3.TC2a; 4.3.TC2c	9.A1.1; 9.A2.1; 9.B2.1
5	SHTCĐ: Phòng tránh bắt nạt học đường	1	Dùng Canva lập kế hoạch; cài bảo mật thiết bị; hiểu đạo đức dữ liệu AI.	2.4.TC2a; 4.1.TC2a; 6.2.TC2c	9.C2.1; 9.D1.1; 9.B3.1

6	SHL: Chia sẻ sản phẩm phòng chống bắt nạt	1	Trình bày poster số; xử lý sự cố kỹ thuật trình chiếu; dùng AI lan tỏa sống đẹp.	2.2.TC2b; 3.1.TC2b; 5.1.TC2b	9.D2.1; 9.C3.1; 9.A3.2
7	SHDC: Hoạt động "Xây dựng truyền thống trường"	1	Tìm gương tiêu biểu qua thư viện số; đăng ký công ích qua dịch vụ Đoàn.	1.1.TC2b; 2.3.TC2a; 6.1.TC2b	9.A2.1; 9.D1.1; 9.B2.1
8	SHTCĐ: Lập kế hoạch lao động công ích	1	Tổ chức kho dữ liệu Drive; dùng Trello phân công; dùng AI tối ưu lộ trình.	1.3.TC2b; 2.4.TC2a; 5.3.TC2a	9.C2.1; 9.A3.1; 9.C3.1
9	SHL: Triển lãm sản phẩm truyền thống trường	1	Tích hợp lịch sử vào video; quy tắc bản quyền nhạc; chọn kênh quảng bá lớp.	3.2.TC2a; 3.3.TC2a; 2.1.TC2b	9.D2.1; 9.B3.1; 9.A3.2
10	SHDC: Diễn đàn chuẩn mực giao tiếp giới trẻ	1	Phân tích hành vi giao tiếp MXH; hiểu thành kiến AI trong gợi ý mẫu câu.	1.2.TC2a; 2.5.TC2a; 4.2.TC2a	9.A2.2; 9.B2.1; 9.A1.1
11	SHTCĐ: Nhận diện điểm tích cực trong giao tiếp	1	Tài tài liệu kỹ năng tin cậy; thực hành tương tác văn minh qua app học tập.	1.1.TC2b; 2.1.TC2a; 3.1.TC2b	9.A3.1; 9.C2.1; 9.D1.1
12	SHL: Tự soi mình qua chuẩn mực giao tiếp	1	Bảo vệ danh tiếng trực tuyến; nhận ra điểm yếu qua khảo sát tự động.	2.6.TC2b; 5.4.TC2a; 5.2.TC2a	9.A3.2; 9.C3.1; 9.D2.1
13	SHDC: Cuộc thi "Nghệ sĩ kịch câm"	1	Sắp xếp danh sách phát; biên tập clip tiết mục; dùng Drive chia sẻ kịch bản.	1.3.TC2a; 3.1.TC2b; 2.4.TC2a	8.A1.1; 8.C5.1; 8.B3.1
14	SHTCĐ: Giới thiệu nét đặc trưng tính cách	1	Tạo Vlog giới thiệu mình; chỉnh sửa hiệu ứng số; trích dẫn nguồn uy tín.	3.1.TC2b; 3.2.TC2a; 2.2.TC2c	8.B2.1; 8.C1.1; 8.A2.1
15	SHL: Kết quả điều chỉnh cảm xúc	1	Tránh tin tiêu cực; khắc phục lỗi ghi âm; xóa dữ liệu nhạy cảm lịch sử.	4.3.TC2a; 5.1.TC2a; 2.6.TC2c	8.A2.1; 8.B3.1; 8.B2.1
16	SHDC: Tầm quan trọng của thích nghi	1	Đánh giá video gương thích nghi; chọn app học tập mới; hiểu AI thay đổi tư duy.	1.2.TC2b; 5.2.TC2b; 6.1.TC2a	9.A1.1; 9.A3.3; 9.B2.1
17	SHTCĐ: Khám phá khả năng	1	Chiến lược tìm thông tin xử lý môi trường mới; vẽ sơ	1.1.TC2d; 3.1.TC2a;	9.A3.1; 9.C2.1;

	thích nghi		đồ tư duy kịch bản.	5.3.TC2b	9.D1.1
18	SHL: Tranh biện về sự thích nghi	1	Thảo luận qua Padlet; giải thích tác hại lạm dụng thế giới ảo; khóa học mềm online.	2.4.TC2a; 4.3.TC2a; 5.4.TC2c	9.A2.2; 9.A3.1; 9.B3.1
19	SHTCĐ: Giải quyết tình huống thích nghi	1	Phân tích giải pháp mạng; tương tác đưa phản hồi; dùng chatbot AI hỗ trợ.	1.2.TC2a; 2.1.TC2a; 5.1.TC2b	9.C2.1; 9.A3.1; 9.D2.1
20	SHTCĐ: Khám phá khả năng thích nghi (Tiếp)	1	Dùng đám mây chia sẻ minh chứng; bảo mật thiết bị công cộng; tùy chỉnh tệp.	2.2.TC2a; 4.1.TC2d; 5.2.TC2c	9.C3.1; 9.A3.2; 9.B2.1
21	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện thích nghi	1	Thiết kế Vlog kể chuyện vượt khó; phản hồi khích lệ qua bình luận nhóm.	3.1.TC2b; 2.5.TC2b; 6.2.TC2a	9.A2.1; 9.D1.1; 9.B3.1
22	SHDC: Diễn đàn trách nhiệm nhiệm vụ	1	Thảo luận công nghệ nâng cao trách nhiệm; dùng app nhắc việc; tiết kiệm điện.	2.3.TC2b; 3.4.TC2a; 4.4.TC2a	9.A1.1; 9.B2.1; 9.A3.3
23	SHTCĐ: Tìm hiểu thực hiện trách nhiệm	1	Tổ chức tài liệu Drive khoa học; lựa chọn app học tập; dùng AI tự động hóa.	1.3.TC2b; 5.2.TC2b; 6.2.TC2a	9.A3.1; 9.C2.1; 9.D1.1
24	SHL: Trò chơi "Truyền tin" về trách nhiệm	1	Sử dụng smartphone truyền tin chính xác; báo cáo lỗi kỹ thuật; sửa dữ liệu AI.	2.1.TC2a; 5.1.TC2a; 2.4.TC2a	9.C3.1; 9.A3.1; 9.D2.1
25	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ I	1	Phân tích tình huống đề thi; xử lý sự cố kỹ thuật; tuân thủ an toàn trung thực.	1.2.TC2a; 5.1.TC2b; 4.1.TC2c	9.B2.1; 9.A3.1; 9.B3.1
26	SHTCĐ: Trách nhiệm với nhiệm vụ (Tiếp)	1	Thảo luận nhóm trực tuyến; thiết kế slide kế hoạch; dùng biểu đồ AI thông minh.	2.4.TC2a; 3.1.TC2b; 5.2.TC2a	9.C2.1; 9.D1.1; 9.A3.2
27	SHL: Chia sẻ kết quả thực hiện trách nhiệm	1	Chia sẻ ảnh thực hiện việc nhà; sắp xếp hồ sơ số E-Portfolio; sửa dữ liệu Portfolio.	2.2.TC2a; 1.3.TC2a; 5.4.TC2b	9.C3.1; 9.A2.1; 9.D2.1
28	SHDC: Tiểu phẩm trách	1	Chỉnh sửa kịch bản trên máy; bình chọn qua mã QR;	3.1.TC2a; 2.1.TC2a;	9.A3.2; 9.D1.1;

	nhiệm học sinh		biên tập video tiểu phẩm.	5.3.TC2a	9.B2.1
29	SHL: Phản hồi thực hiện trách nhiệm	1	Chia sẻ bài học qua nhóm; đánh giá qua số liệu; hiểu thành kiến AI khi phản hồi.	2.2.TC2b; 1.2.TC2a; 4.2.TC2b	9.A2.1; 9.C3.1; 9.D2.1
30	SHL: Phản hồi trách nhiệm (Tiếp)	1	Tìm hỗ trợ cộng đồng số; bảo vệ danh tiếng qua lời hứa; dùng AI nhắc nhở.	5.1.TC2b; 2.6.TC2b; 5.4.TC2a	9.A3.1; 9.C2.1; 9.B2.1
31	SHDC: Tọa đàm về căng thẳng và áp lực	1	Tìm dấu hiệu Stress mạng; nguy cơ từ áp lực số; phân tích hiệu quả app thiền AI.	1.1.TC2b; 4.3.TC2a; 6.3.TC2a	9.A1.1; 9.A2.1; 9.B2.1
32	SHTCĐ: Ứng phó với căng thẳng và áp lực	1	Dùng app Pomodoro giảm áp lực; so sánh phương pháp thư giãn; chatbot hỗ trợ.	5.2.TC2b; 1.2.TC2a; 2.4.TC2a	9.C2.1; 9.D1.1; 9.A3.2
33	SHL: Kể chuyện tình huống căng thẳng	1	Trình bày qua sơ đồ tư duy số; nhờ giúp đỡ qua Email/Zalo; cải thiện dữ liệu AI.	3.1.TC2b; 2.5.TC2b; 5.1.TC2b	9.C3.1; 9.A3.1; 9.D2.1
34	SHTCĐ: Thực hành ứng phó căng thẳng (Tiếp)	1	Đóng vai nhà tư vấn số; tích hợp lịch vận động; hiểu sự đa dạng trong cách ứng phó.	2.1.TC2a; 3.2.TC2a; 5.3.TC2b	9.A2.2; 9.B3.1; 9.A3.1
35	SHTCĐ: Ứng phó áp lực cuộc sống	1	Chơi game giáo dục lành mạnh; quản lý chatbot tâm sự; chịu trách nhiệm an toàn.	4.3.TC2b; 2.2.TC2b; 6.2.TC2b	9.B2.1; 9.A1.1; 9.D1.1
36	SHL: Chia sẻ kết quả ứng phó căng thẳng	1	Chia sẻ minh chứng kiểm soát cảm xúc; bảo mật diễn đàn tâm lý; chuẩn hóa Portfolio.	2.2.TC2a; 4.1.TC2d; 5.4.TC2a	9.C3.1; 9.A2.1; 9.D2.1
37	SHDC: Diễn đàn tạo động lực bản thân	1	Tìm video truyền cảm hứng; thi Kahoot động lực; AI tạo video cá nhân hóa.	1.1.TC2b; 2.1.TC2a; 3.1.TC2b	9.A3.2; 9.D1.1; 9.B2.1
38	SHTCĐ: Tìm hiểu cách tạo động lực	1	Dùng Flashcard số; chia sẻ E-cards qua nhóm; dùng AI gợi ý phương pháp mới.	5.3.TC2a; 2.2.TC2a; 6.2.TC2a	9.A3.1; 9.C2.1; 9.A2.1
39	SHL: Chia sẻ kết quả tạo động lực	1	Thiết kế Vlog tự tạo động lực; phản hồi khích lệ mạng; cải thiện dữ liệu rèn luyện.	3.1.TC2b; 2.5.TC2b; 4.3.TC2c	9.C3.1; 9.D2.1; 9.B3.1

40	SHDC: Giao lưu người truyền cảm hứng	1	Gửi câu hỏi số cho khách mời; tôn trọng quyền riêng tư khi quay phim; phản biện AI.	2.1.TC2b; 1.2.TC2a; 4.2.TC2b	9.A1.1; 9.A3.1; 9.B2.1
41	SHTCĐ: Thực hành tạo động lực (Tiếp)	1	Thiết kế Vision Board trực tuyến; hợp tác xây dựng "Cam kết thi đua" số.	5.2.TC2b; 3.1.TC2a; 2.4.TC2a	9.C2.1; 9.D1.1; 9.A3.2
42	SHL: Kết quả thực hiện ngân sách cá nhân	1	Dùng Excel quản lý thu chi; minh bạch qua app; sửa dữ liệu hệ thống tài chính AI.	1.3.TC2a; 5.2.TC2a; 4.1.TC2c	9.C3.1; 9.B2.1; 9.D2.1
43	SHDC: Giao lưu chuyên gia ngân sách	1	Tìm mẫu ngân sách mạng; tương tác qua Mentimeter; hiểu tác động AI đến kinh tế.	1.1.TC2b; 2.1.TC2a; 6.2.TC2a	9.A2.1; 9.A2.2; 9.B2.1
44	SHTCĐ: Tìm hiểu cách xây ngân sách	1	Tổ chức danh mục bảng tính; liệt kê công thức tự động; thu thập dữ liệu công bằng.	1.3.TC2b; 3.4.TC2a; 5.1.TC2b	9.C2.1; 9.D1.1; 9.B3.1
45	SHTCĐ: Thực hành xây ngân sách (Tiếp)	1	Hợp tác xây ngân sách giả định; diễn giải biểu đồ số; dùng AI dự báo rủi ro.	2.4.TC2a; 1.2.TC2b; 5.3.TC2a	9.C2.1; 9.D2.1; 9.A3.1
46	SHDC: Kịch tương tác ngân sách HS	1	Quay video kịch tiết kiệm; dùng AI thiết kế nhân vật và bối cảnh sáng tạo.	3.1.TC2b; 2.2.TC2b; 5.3.TC2a	9.A3.2; 9.D1.1; 9.B2.1
47	SHTCĐ: Luyện tập xây ngân sách (Tiếp)	1	Theo dõi biến động hàng tháng máy tính; tùy chỉnh định dạng; kiểm tra độ chính xác.	1.3.TC2a; 5.2.TC2c; 2.4.TC2a	9.C2.1; 9.D2.1; 9.A3.1
48	SHTCĐ: Thực hiện ngân sách thực tiễn	1	Chia sẻ kết quả chi tiêu qua nhóm; an toàn thanh toán điện tử; sửa dữ liệu hệ thống.	2.2.TC2a; 4.1.TC2c; 5.4.TC2a	9.C3.1; 9.B2.1; 9.D2.1
49	SHDC: Diễn kịch ngân sách (Tiếp)	1	Giải quyết kịch qua mã QR; tuyên bố quyền riêng tư app; giám sát tính minh bạch.	2.1.TC2a; 4.2.TC2c; 1.2.TC2a	9.A2.1; 9.A2.2; 9.B2.1
50	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KỲ I	1	Thiết kế ngân sách trên bảng tính; chọn giải pháp kỹ thuật; nộp bài đúng quy định.	3.1.TC2b; 5.1.TC2b; 1.3.TC2a	9.B2.1; 9.A3.1; 9.B3.1
51	SHL: Chia sẻ kết quả rèn	1	Chia sẻ thành tích qua mạng; tự đánh giá NLS; tạo	2.2.TC2a; 5.4.TC2a;	9.C3.1; 9.A3.2;

	luyện HK I		clip kỷ niệm lớp.	3.1.TC2b	9.D2.1
52	SHDC: Bầu không khí vui vẻ gia đình	1	Tìm bài hát gia đình mạng; dùng lời yêu thương qua smartphone; video tri ân.	1.1.TC2b; 2.1.TC2b; 3.1.TC2b	9.A1.1; 9.A3.2; 9.B2.1
53	SHTCĐ: Giải quyết bất đồng gia đình	1	Quy tắc ứng xử nhóm chat gia đình; dùng AI gợi ý cách bắt chuyện tâm lý.	2.5.TC2a; 5.2.TC2b; 6.2.TC2a	9.C2.1; 9.A2.2; 9.D1.1
54	SHL: Chia sẻ giải quyết bất đồng	1	Chia sẻ khoảnh khắc gia đình; bảo vệ hình ảnh mạng; cải thiện dữ liệu AI.	2.2.TC2a; 2.6.TC2b; 5.4.TC2a	9.C3.1; 9.A3.1; 9.D2.1
55	SHDC: Triển lãm "Em với gia đình"	1	Thiết kế Vlog nấu ăn; hướng dẫn quét QR; dùng AI thiết kế phong cách độc đáo.	3.1.TC2b; 2.2.TC2b; 5.3.TC2a	9.A3.2; 9.D1.1; 9.B3.1
56	SHTCĐ: Sắp xếp khoa học việc gia đình	1	Liệt kê việc nhà qua app ghi chú; xử lý lỗi IoT gia đình; dùng AI lên lịch tối ưu.	1.3.TC2a; 3.4.TC2a; 5.1.TC2a	9.C2.1; 9.A2.1; 9.D1.1
57	SHL: Chia sẻ sắp xếp việc gia đình	1	Dùng app lịch chung phối hợp; hướng dẫn người thân dùng app; chuẩn hóa quy trình.	2.4.TC2a; 4.3.TC2c; 5.4.TC2b	9.C3.1; 9.B2.1; 9.D2.1
58	SHDC: Tọa đàm "Phát triển kinh tế gia đình"	1	Tìm mô hình kinh tế địa phương; gửi ý tưởng qua bình chọn số; hiệu tác động AI.	1.1.TC2b; 2.1.TC2a; 3.1.TC2b	9.A2.1; 9.A3.3; 9.B2.1
59	SHTCĐ: Biện pháp phát triển kinh tế	1	Đánh giá thị trường báo điện tử; dùng marketing số; dùng AI phân tích xu hướng.	1.2.TC2a; 5.3.TC2a; 6.2.TC2a	9.C2.1; 9.A3.1; 9.D1.1
60	SHL: Phản hồi biện pháp kinh tế	1	Chia sẻ phản hồi bố mẹ qua app; bảo mật bí mật kinh doanh; dùng dữ liệu công bằng.	2.2.TC2a; 3.2.TC2a; 4.2.TC2b	9.A2.2; 9.B3.1; 9.D2.1
61	SHDC: Giao lưu mạng lưới cộng đồng	1	Tìm tổ chức thiện nguyện; dùng dịch vụ công trực tuyến; hiệu AI kết nối xã hội.	1.1.TC2b; 2.3.TC2a; 4.3.TC2c	9.A1.1; 9.A2.1; 9.B2.1
62	SHTCĐ: Xây dựng và phát triển cộng đồng	1	Dùng app quản lý nhóm; thiết kế sơ đồ Canva; dùng AI phân loại nhu cầu trợ giúp.	2.4.TC2a; 3.1.TC2a; 5.2.TC2b	9.C2.1; 9.A3.1; 9.D1.1

63	SHL: Chia sẻ kết quả hoạt động địa phương	1	Chia sẻ ảnh tham gia giáo dục truyền thống; kiểm tra độ tin cậy tin lịch sử.	2.2.TC2a; 1.2.TC2a; 4.1.TC2d	9.C3.1; 9.A3.2; 9.D2.1
64	SHDC: Văn minh trên mạng xã hội	1	Thảo luận chuẩn mực an toàn mạng; bảo vệ danh tiếng; hiểu thuật toán lọc AI.	2.5.TC2a; 4.2.TC2a; 2.6.TC2b	9.A2.2; 9.B2.1; 9.B3.1
65	SHTCĐ: Khảo sát giao tiếp MXH	1	Thiết lập Google Forms khảo sát; sắp xếp kết quả bảng tính; dùng AI phân tích.	1.1.TC2b; 5.2.TC2b; 1.3.TC2a	9.C2.1; 9.D1.1; 9.C3.1
66	SHL: Kết quả khảo sát giao tiếp	1	Diễn giải số liệu chưa văn minh; thiết kế báo cáo biểu đồ; phản biện nhận xét AI.	1.2.TC2b; 3.1.TC2b; 5.4.TC2a	9.A2.1; 9.A3.1; 9.D2.1
67	SHDC: Truyền thông vấn đề học đường	1	Chọn kênh YouTube quảng bá; dùng AI tạo video nhân văn; bảo vệ an toàn người dùng.	2.3.TC2a; 3.2.TC2a; 4.3.TC2c	9.A1.1; 9.A3.2; 9.B2.1
68	SHTCĐ: Xây dựng kế hoạch truyền thông	1	Thiết kế Poster Canva; tìm tin bạo lực học đường chính xác; quy tắc bản quyền số liệu.	2.4.TC2a; 1.1.TC2d; 3.3.TC2a	9.C2.1; 9.A3.1; 9.B3.1
69	SHL: Chia sẻ kết quả truyền thông	1	Lan tỏa thông điệp cộng đồng; xử lý sự cố tệp lỗi; dùng AI biên tập báo cáo.	2.2.TC2a; 5.1.TC2b; 6.2.TC2b	9.C3.1; 9.D1.1; 9.D2.1
70	SHDC: Thi thuyết trình di sản thế giới	1	Tìm video di sản chất lượng cao; xử lý sự cố âm thanh bài thi; AI hỗ trợ thiết kế.	1.1.TC2b; 3.1.TC2b; 5.1.TC2a	9.A3.2; 9.D1.1; 9.B2.1
71	SHTCĐ: Tìm hiểu cách thiết kế sản phẩm	1	Chỉ ra cách tạo video cảnh quan; tích hợp nhạc truyền thống; dùng AI viết kịch bản.	3.1.TC2a; 3.2.TC2a; 5.3.TC2a	9.C2.1; 9.A3.1; 9.C3.1
72	SHL: Triển lãm giới thiệu cảnh quan	1	Hướng dẫn quét QR; bình chọn sản phẩm lớp; hiểu bản quyền hình ảnh thắng cảnh.	2.2.TC2b; 2.1.TC2a; 4.2.TC2c	9.B3.1; 9.D2.1; 9.A3.2
73	SHTCĐ: Thiết kế sản phẩm giới thiệu	1	Trực tiếp tạo Vlog thắng cảnh; đóng dấu bản quyền ảnh; dùng AI tạo tiêu đề.	3.1.TC2b; 1.3.TC2a; 4.1.TC2a	9.C2.1; 9.D1.1; 9.C3.1
74	SHTCĐ: Quảng bá cảnh quan	1	Hợp tác xây kế hoạch quảng bá; chọn nền tảng	2.4.TC2a; 5.2.TC2b;	9.C2.1; 9.A3.1;

	sự kiện		Livestream; AI cá nhân hóa thư mời.	3.2.TC2a	9.D2.1
75	SHL: Phản hồi kết quả quảng bá	1	Thảo luận diễn đàn du lịch; điều chỉnh định dạng tệp; AI tối ưu hóa từ khóa.	2.3.TC2b; 5.2.TC2c; 6.2.TC2a	9.A2.1; 9.B2.1; 9.D2.1
76	SHDC: Giao lưu thực trạng ô nhiễm	1	Tìm chỉ số AQI mạng; thảo luận tác động rác điện tử; hiểu AI dự báo ô nhiễm.	1.1.TC2b; 4.4.TC2a; 5.1.TC2b	9.A1.1; 9.A2.1; 9.B2.1
77	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ II	1	Thiết kế kế hoạch hành động số môi trường; dùng sơ đồ tư duy; minh bạch dữ liệu.	3.1.TC2b; 1.2.TC2a; 5.3.TC2a	9.B2.1; 9.A3.1; 9.B3.1
78	SHL: Kinh nghiệm rèn luyện HK II	1	Chia sẻ kết quả bảo vệ thiên nhiên; duy trì danh tiếng tích cực xã hội trực tuyến.	2.2.TC2a; 5.4.TC2a; 2.6.TC2b	9.C3.1; 9.A2.1; 9.D2.1
79	SHTCĐ: Khảo sát ô nhiễm địa bàn	1	Thiết lập Google Forms thu thập nguyên nhân ô nhiễm; bảo mật danh tính.	1.1.TC2b; 5.2.TC2b; 4.2.TC2b	9.C2.1; 9.D1.1; 9.B3.1
80	SHTCĐ: Thiết kế công cụ khảo sát	1	Lưu trữ kết quả khảo sát bảng tính; sửa lỗi dữ liệu; AI phân tích độ tin cậy.	1.3.TC2a; 3.2.TC2a; 5.1.TC2a	9.C3.1; 9.B2.1; 9.D2.1
81	SHTCĐ: Luyện tập thiết kế công cụ (Tiếp)	1	Hợp tác hoàn thiện phiếu hỏi; cài đặt an toàn biểu mẫu; AI gợi ý câu hỏi thông minh.	2.4.TC2a; 5.3.TC2b; 4.1.TC2c	9.C2.1; 9.D1.1; 9.B2.1
82	SHTCĐ: Thực hiện khảo sát ô nhiễm	1	Phân tích dữ liệu Excel; áp dụng nguyên tắc AI phân tích xu hướng ô nhiễm.	1.2.TC2b; 2.4.TC2a; 6.1.TC2a	9.A1.1; 9.D1.1; 9.B2.1
83	SHTCĐ: Lập kế hoạch tuyên truyền môi trường	1	Thuyết trình kế hoạch số; dùng chatbot AI hỗ trợ giải đáp; đánh giá hiệu quả AI.	3.1.TC2b; 1.3.TC2b; 5.2.TC2b	9.C2.1; 9.D1.1; 9.D2.1
84	SHL: Chia sẻ kết quả tuyên truyền	1	Chia sẻ clip kêu gọi; tuyên truyền xử lý rác điện tử; dùng AI thiết kế tờ rơi số.	2.2.TC2a; 4.4.TC2a; 6.2.TC2b	9.D1.1; 9.D2.1; 9.B2.1
85	SHDC: Diễn đàn chọn nghề	1	Tìm nhu cầu nghề hiện đại; trải nghiệm hướng nghiệp AI; hiểu thành kiến nghề.	1.1.TC2b; 2.1.TC2a; 6.2.TC2a	9.A1.1; 9.A3.3; 9.B3.1

86	SHTCĐ: Thực hành tìm hiểu nghề em quan tâm	1	Đánh giá độ tin cậy web tuyển sinh; dùng VR trải nghiệm môi trường làm nghề.	1.2.TC2a; 3.1.TC2b; 5.3.TC2a	9.A2.2; 9.A3.1; 9.D2.1
87	SHL: Chia sẻ kết quả tìm hiểu nghề	1	Chia sẻ ảnh trải nghiệm nghề địa phương; giải thích an toàn lao động mạng.	2.2.TC2a; 4.3.TC2a; 1.3.TC2a	9.D1.1; 9.D2.1; 9.B2.1
88	SHDC: Nghề xu hướng tương lai	1	Tìm thông tin nghề kỹ nguyên số; hiểu sự thay thế của AI đối với nghề nghiệp.	1.1.TC2d; 2.1.TC2b; 6.1.TC2a	9.A1.1; 9.A3.3; 9.B3.1
89	SHTCĐ: Đánh giá phẩm chất năng lực bản thân	1	Dùng công cụ tự đánh giá số; xây dựng hồ sơ năng lực số (Digital Portfolio).	5.4.TC2a; 3.4.TC2a; 2.6.TC2b	9.A2.2; 9.A3.1; 9.D2.1
90	SHL: Chia sẻ kết quả rèn năng lực nghề	1	Chia sẻ kinh nghiệm rèn kỹ năng nhóm lớp; dùng AI tìm bài tập rèn tư duy.	2.2.TC2b; 1.3.TC2a; 6.1.TC2b	9.C3.1; 9.D2.1; 9.B2.1
91	SHDC: Hệ thống cơ sở GDNN	1	Tìm danh sách trường nghề mạng; hiểu tính công bằng AI trong thông tin tuyển sinh.	1.1.TC2b; 2.3.TC2b; 5.2.TC2b	9.A1.1; 9.A3.2; 9.B3.1
92	SHTCĐ: Tìm hiểu hệ thống các cơ sở GDNN	1	So sánh tiêu chí qua bảng tính; sắp xếp brochure điện tử; dùng AI so sánh.	1.2.TC2a; 2.4.TC2a; 1.3.TC2a	9.C2.1; 9.D1.1; 9.D2.1
93	SHL: Báo cáo kết quả cơ sở GDNN quan tâm	1	Thiết kế bài thuyết trình trường nghề yêu thích; chịu trách nhiệm xác thực thông tin.	3.1.TC2b; 5.2.TC2c; 3.2.TC2a	9.D1.1; 9.D2.1; 9.B2.1
94	SHDC: Tọa đàm tham vấn ý kiến chọn nghề	1	Tương tác qua Slido/Mentimeter; bảo mật thông tin nhạy cảm khi tham vấn trực tuyến.	2.1.TC2a; 4.2.TC2b; 6.3.TC2a	9.A1.1; 9.A2.2; 9.A3.2
95	SHTCĐ: Tham vấn thầy cô, người thân	1	Thuyết phục bố mẹ qua tin nhắn; nhận diện lỗi âm thanh khi tham vấn trực tuyến.	2.5.TC2b; 5.2.TC2a; 5.1.TC2a	9.A2.2; 9.D1.1; 9.B2.1
96	SHL: Báo cáo tham quan cơ sở GDNN	1	Thiết kế video clip thu hoạch; tương tác qua Email/Zalo; dùng AI biên tập video.	3.1.TC2b; 2.1.TC2a; 5.4.TC2c	9.D1.1; 9.D2.1; 9.B2.1
97	SHDC: Ngày hội tư vấn	1	Tìm câu hỏi diễn đàn; đăng ký workshop chuyên sâu	1.1.TC2b; 2.3.TC2a;	9.A1.1; 9.A3.2;

	hướng nghiệp HS		qua dịch vụ số; tìm học bổng.	5.4.TC2c	9.B3.1
98	SHTCĐ: Rèn luyện định hướng nghề	1	Lập kế hoạch phát triển kỹ năng số; dùng AI thiết lập lộ trình học tập tối ưu.	3.4.TC2a; 5.3.TC2a; 6.1.TC2a	9.A2.2; 9.A3.1; 9.D1.1
99	SHL: Chia sẻ kết quả tham vấn	1	Chia sẻ quyết định con đường sau THCS; chuẩn bị bản Digital CV ấn tượng.	2.2.TC2a; 5.4.TC2a; 2.6.TC2b	9.A3.1; 9.D1.1; 9.D2.1
100	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM HỌC	1	Thiết kế Vlog/PPT giới thiệu nghề; sắp xếp hồ sơ đánh giá khoa học; bảo mật thi.	3.1.TC2b; 1.3.TC2a; 5.1.TC2b	9.B2.1; 9.A3.1; 9.B3.1
101	SHTCĐ: Con đường học tập sau THCS	1	Tìm thông tin ưu nhược điểm các lộ trình; bảo mật mã đăng ký thi; mục tiêu suốt đời.	1.1.TC2d; 1.2.TC2a; 4.2.TC2b	9.A1.1; 9.A3.1; 9.B3.1
102	SHTCĐ: Ra quyết định con đường học tập	1	Đăng ký nguyện vọng trực tuyến; phân tích hiệu quả AI tư vấn tuyển sinh.	5.2.TC2c; 2.1.TC2a; 6.3.TC2a	9.A2.2; 9.A3.2; 9.D2.1
103	SHDC: Diễn đàn "Ra quyết định sau THCS"	1	Thảo luận lựa chọn trường qua web trường; tìm việc làm thời vụ hỗ trợ qua công nghệ.	2.3.TC2b; 1.2.TC2b; 4.3.TC2c	9.A1.1; 9.A2.2; 9.B2.1
104	SHTCĐ: Lập kế hoạch phát triển bản thân	1	Tạo bản kế hoạch phát triển qua Canva; thảo luận sự tiến bộ các miền NLS.	3.1.TC2b; 1.3.TC2b; 5.4.TC2a	9.A2.2; 9.A3.1; 9.D2.1
105	SHL: Tổng kết năm học	1	Chia sẻ thành tựu cả năm lên nhóm lớp; biên tập video kỷ niệm cuối cấp cùng AI.	2.2.TC2a; 3.1.TC2b; 6.2.TC2a	9.D1.1; 9.D2.1; 9.B2.1

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Kiến thức chủ đề 1, 2, 3 và năng lực số/AI giai đoạn 1.	Viết trên giấy/máy tính

Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 17	Tổng hợp chủ đề 1-4 và kỹ năng tạo sản phẩm số tài chính.	Thực hành trên máy tính
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 26	Đánh giá rèn luyện chủ đề 5, 6, 7 và NLS-AI giai đoạn 3.	Viết trên giấy/máy tính
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 34	Tổng kết năng lực nghề nghiệp, sự tiến bộ NLS/AI cả năm.	Hồ sơ năng lực số (Portfolio)

III. Các nội dung khác:

- **Hồ sơ năng lực số:** Hướng dẫn học sinh hoàn thiện **Hồ sơ năng lực số (Digital Portfolio)** phục vụ mục tiêu chuyển cấp cuối năm lớp 9.
- **Tham vấn trực tuyến:** Tổ chức các buổi tư vấn qua Zalo/Email cho CMHS và HS về quy trình đăng ký nguyện vọng lớp 10.
- **Quản lý dữ liệu:** Duy trì và phân loại khoa học kho tư liệu số (Drive) lưu trữ sản phẩm trải nghiệm của học sinh.
-

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỞNG:
TỔ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 20..... - 20.....)

1. Khối lớp: 9; Số học sinh: 76

ST T	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Khai giảng & Phát động truyền thống	Tìm tư liệu ảnh truyền thống; tham gia bình chọn qua mã QR; thiết kế Vlog.	1	Tuần 1	Sân trường	BGH/ TPT Đội	GVCN, Đoàn TN	Hệ thống âm thanh, máy ảnh số, mã QR.
2	Cuộc thi "Nghệ sĩ kịch câm"	Sắp xếp danh sách phát; biên tập clip tiết mục; dùng Drive chia sẻ kịch bản.	1	Tuần 5	Sân trường	TPT Đội	GVCN, GV Âm nhạc	Máy tính, Internet, loa đài, Drive.
3	Triển lãm "Em với gia đình"	Thiết kế Vlog nấu ăn; hướng dẫn quét QR; dùng AI thiết kế phong cách độc đáo.	1	Tuần 19	Sân trường	GVCN	TPT Đội, CMHS	Smartphone, AI Chatbot, mã QR.
4	Tham quan cơ sở GDNN	Thiết kế video clip thu hoạch; tương tác qua Email/Zalo; dùng AI biên tập video.	1	Tuần 32	Cơ sở GDNN	GVCN	Chuyên gia nghề, CMHS	Smartphone, phần mềm CapCut, Internet.
5	Ngày hội tư vấn hướng nghiệp	Tìm câu hỏi diễn đàn; đăng ký workshop qua dịch vụ số; tìm học bổng mạng.	1	Tuần 33	Sân trường	BGH/ TPT Đội	Chuyên gia, Đoàn TN	Máy tính, tivi, Internet, Chatbot AI.
6	Diễn đàn "Ra quyết định sau THCS"	Thảo luận qua web trường; tìm việc làm thời vụ hỗ trợ qua công nghệ.	1	Tuần 35	Sân trường	BGH/ TPT Đội	GVCN, CMHS	Hệ thống âm thanh, máy tính, Internet.
7	Lễ Tổng kết năm học	Chia sẻ thành tựu lên nhóm lớp; biên tập video kỷ niệm cuối cấp cùng AI.	1	Tuần 35	Sân trường	BGH/ TPT Đội	GVCN, Đoàn TN	Máy tính, tivi, phần mềm AI, E-Portfolio.,

- (1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.
- (2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.
- (3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.
- (4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).
- (5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).
- (6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.
- (7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.
- (8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG:

TỔ:

Họ và tên giáo viên:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

LỚP 9 (Năm học 20 – 20)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

Th ứ tự	Bài học/Chủ	Số	Tiết	Tuầ	Thiết bị	Địa	Biểu hiện NLS [Mã.Mức.Chỉ báo]:	Trí tuệ nhân tạo (Mã hóa & Biểu
------------	----------------	----	------	-----	----------	-----	---------------------------------	---------------------------------

	đề	tiết		n	dạy học	điểm	Mô tả hành vi	hiện NL AI)
1	CHỦ ĐỀ 1: EM VỚI NHÀ TRƯỜNG SHDC: Khai giảng và Phát động "Xây dựng truyền thống nhà trường"	1	1	01	Loa, máy chiếu, video truyền thống trường.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm tư liệu ảnh về truyền thống trường trên website/Fanpage trường.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS sử dụng smartphone để tham gia bình chọn ý tưởng công trình lớp qua mã QR.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế các hình ảnh số/Vlog giới thiệu về lớp để đăng tải lên mạng xã hội của trường.</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng công cụ AI hỗ trợ tạo video kỷ niệm khai giảng để thể hiện tình cảm với trường.</p> <p>9.B2.1: HS thể hiện vai trò cá nhân trong việc giám sát nội dung AI tạo ra về ngày lễ khai giảng.</p> <p>9.D1.1: HS đóng vai trò dẫn dắt AI trong việc thiết kế thông điệp truyền thống nhà trường.</p>
2	SHTCĐ: Tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với các bạn, thầy cô	1	2	01	Tivi, ảnh số "Bà lão hay cô gái", máy tính.	Phòng học	<p>[1.2.TC2b]: HS phân tích, diễn giải ý nghĩa của các bức ảnh số đa góc nhìn để hiểu về sự khác biệt.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng bảng trắng số (Whiteboard) để thảo luận nhóm về các quy tắc sống hài hòa.</p> <p>[5.2.TC2c]: HS lựa chọn cách tùy chỉnh giao diện phần mềm học tập để hỗ trợ các bạn có đặc điểm riêng.</p>	<p>9.A2.2: HS giải thích được các vấn đề “thiên vị”, “thành kiến” mà AI có thể gây ra khi nhận diện sự khác biệt về văn hóa.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI tôn trọng sự đa dạng, không phân biệt đối xử.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện khi đánh giá các thông tin do AI cung cấp về sự khác biệt cá nhân.</p>
3	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện tôn trọng sự khác biệt	1	3	01	Máy tính, tivi, video về tình bạn.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số để chia sẻ các đoạn phim ngắn về hành vi sống hài hòa lên nhóm lớp.</p> <p>[4.2.TC2a]: HS thảo luận về cách bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI để tạo ra các sản phẩm nghệ thuật số thể hiện nét đặc trưng riêng biệt của bản thân.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày trách nhiệm cá nhân đối với kết quả cuối cùng do AI</p>

						nhân của bạn bè khi tương tác số. [5.4.TC2a]: HS tự đánh giá qua biểu mẫu trực tuyến về mức độ tiến bộ trong giao tiếp và sống hài hòa.	tạo ra khi chia sẻ về tình bạn. 9.D2.1: HS thực hiện đánh giá đơn giản sản phẩm AI của bạn bè để gợi ý cải thiện.
4	CHỦ ĐỀ 1 (Tiếp) SHDC: Trao đổi về phòng, tránh bắt nạt học đường	1	4	02	Loa, máy chiếu, video clip bắt nạt mạng.	Sân trường [1.1.TC2c]: HS mô tả cách truy cập vào "Thùng thư an toàn" trực tuyến và điều hướng các kênh báo cáo vi phạm. [4.3.TC2a]: HS giải thích các biện pháp tránh bị đe dọa, bắt nạt qua không gian mạng (Cyberbullying). [4.3.TC2c]: HS thảo luận về các hội nhóm số tích cực giúp tăng cường sự hòa hợp trong môi trường học đường.	9.A1.1: HS hình thành quan điểm phản biện về thách thức giữa việc đổi mới AI giám sát và sự an toàn của người dùng. 9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động lớn đến việc ngăn chặn bắt nạt học đường. 9.B2.1: HS tham gia phản hồi cho cộng đồng về cách sử dụng AI an toàn để phòng tránh bắt nạt.
5	SHTCD: Phòng tránh bắt nạt học đường	1	5	02	Máy tính, sơ đồ kế hoạch mẫu, giấy Ao.	Phòng học [2.4.TC2a]: HS sử dụng công cụ cộng tác trực tuyến (Canva/Google Docs) để xây dựng kế hoạch phòng chống bắt nạt. [4.1.TC2a]: HS thiết lập các cài đặt bảo vệ thiết bị cá nhân để tránh bị xâm nhập và lấy cắp dữ liệu. [6.2.TC2c]: HS nhận thức việc bảo vệ dữ liệu khi sử dụng các công cụ AI hỗ trợ tìm tài liệu về bạo lực học đường.	9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng vận dụng AI để tạo công cụ (như chatbot) tư vấn phòng chống bắt nạt. 9.D1.1: HS trình bày vai trò của con người là người dẫn dắt trong việc thiết kế hệ thống AI báo cáo bắt nạt. 9.B3.1: HS giải thích cách thu thập dữ liệu công bằng để AI nhận diện đúng các hành vi bắt nạt.
6	SHL: Chia sẻ kết quả	1	6	02	Laptop, tivi, sân	Phòng học [2.2.TC2b]: HS đóng vai trò trung gian chia sẻ các bài học kinh nghiệm	9.D2.1: HS thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá hiệu quả của sản

	tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường				phẩm số của HS.		<p>xử lý bắt nạt qua nhóm lớp.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS trình bày sản phẩm truyền thông số (video/poster) tự thiết kế về chủ đề "Trường học không bạo lực".</p> <p>[5.1.TC2b]: HS nhận diện và xử lý các vấn đề kỹ thuật khi trình chiếu sản phẩm truyền thông của nhóm.</p>	<p>phẩm AI tuyên truyền.</p> <p>9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu (ảnh/clip) để nâng cao chất lượng sản phẩm AI của lớp.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng AI như công cụ giúp lan tỏa thông điệp sống đẹp và theo đuổi đam mê an toàn mạng.</p>
7	CHỦ ĐỀ 1 (Tiếp) SHDC: Hoạt động "Xây dựng truyền thông nhà trường"	1	7	03	Video truyền thông trường, smartphone chụp ảnh.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm thông tin về các gương mặt tiêu biểu của trường trên thư viện số.</p> <p>[2.3.TC2a]: HS sử dụng các dịch vụ số của Đoàn trường để đăng ký tham gia các hoạt động lao động công ích.</p> <p>[6.1.TC2b]: HS thực hiện thao tác trên AI để tìm ý tưởng trang trí khuôn viên trường học xanh.</p>	<p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về việc AI tác động đến cách nhà trường lưu giữ và phát huy truyền thống.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò đồng sáng tạo của con người khi cùng AI thiết kế khuôn viên trường.</p> <p>9.B2.1: HS chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin truyền thông khi dùng AI hỗ trợ biên tập.</p>
8	SHTCĐ: Lập kế hoạch lao động công ích	1	8	03	Laptop, bảng kế hoạch mẫu, tivi.	Phòng học	<p>[1.3.TC2b]: HS tổ chức kho dữ liệu ảnh lao động vào các thư mục số theo chủ đề trên Drive lớp.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS lựa chọn các ứng dụng quản lý nhiệm vụ (Trello/Zalo) để phân công việc lao động công ích.</p> <p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng phần mềm Mindmap để đổi mới quy trình tổ chức và phân phối nguồn lực lao động.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng AI tạo ra một mô hình đơn giản hỗ trợ phân loại rác trong hoạt động lao động.</p> <p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu học tập cá nhân thông qua việc lập kế hoạch có AI hỗ trợ.</p> <p>9.C3.1: HS thực hiện xóa hoặc sửa các dữ liệu không chính xác trong kế hoạch để AI tối ưu hóa lộ trình.</p>

9	SHL: Triển lãm sản phẩm xây dựng truyền thông nhà trường	1	9	03	Mã QR sản phẩm, thiết bị di động, tivi.	Phòng học	<p>[3.2.TC2a]: HS thảo luận cách tích hợp thông tin lịch sử trường vào các đoạn phim ngắn giới thiệu trường.</p> <p>[3.3.TC2a]: HS thảo luận quy tắc bản quyền khi sử dụng nhạc nền hoặc hình ảnh tư liệu cho video.</p> <p>[2.1.TC2b]: HS lựa chọn các phương tiện truyền thông (Facebook/YouTube) phù hợp để quảng bá sản phẩm lớp.</p>	<p>9.D2.1: HS thử nghiệm các cách cải tiến video giới thiệu trường dựa trên kết quả phân tích của AI.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI tôn trọng bản quyền hình ảnh truyền thống.</p> <p>9.A3.2: HS nêu cách dùng AI để thể hiện niềm tự hào về truyền thống trường lớp một cách sáng tạo.</p>
10	<p>CHỦ ĐỀ 2: KHÁM PHÁ BẢN THÂN</p> <p>SHDC: Diễn đàn chuẩn mực giao tiếp của giới trẻ</p>	1	10	04	Video giao tiếp, máy tính, tivi.	Sân trường	<p>[1.2.TC2a]: HS phân tích, đánh giá các video về hành vi giao tiếp của giới trẻ trên mạng xã hội.</p> <p>[2.5.TC2a]: HS thảo luận về các chuẩn mực hành vi văn minh khi bình luận trên không gian mạng.</p> <p>[4.2.TC2a]: HS thảo luận về cách bảo vệ quyền riêng tư khi giao tiếp và chia sẻ thông tin trên mạng.</p>	<p>9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến do AI gây ra trong việc gợi ý các mẫu câu giao tiếp mạng.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò của cá nhân và cộng đồng trong việc phản hồi các thuật toán giao tiếp xấu.</p> <p>9.A1.1: HS hình thành quan điểm phản biện về việc đánh đổi quyền riêng tư lấy sự tiện lợi của trợ lý ảo.</p>
11	SHTCĐ: Nhận diện điểm tích cực/chưa tích cực trong giao tiếp	1	11	04	Máy tính, phiếu tự đánh giá, máy chiếu.	Phòng học	<p>[1.1.TC2b]: HS tìm kiếm và tải các tài liệu về kỹ năng giao tiếp hiệu quả từ các nguồn tin cậy trên Internet.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS thực hành tương tác văn minh thông qua việc gửi phản hồi bài tập trên ứng dụng học tập.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS tạo các thông điệp số (dạng ảnh/meme) về văn hóa ứng xử</p>	<p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện để đánh giá các lời khuyên về kỹ năng giao tiếp do AI cung cấp.</p> <p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để nhận diện và chỉnh sửa các từ ngữ giao tiếp chưa tích cực.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò dẫn dắt của con người trong việc điều chỉnh AI</p>

							để chia sẻ lên nhóm lớp.	giao tiếp cho phù hợp văn hóa.
12	SHL: Tự soi lại mình qua các chuẩn mực giao tiếp	1	12	04	Smartphone, bảng đánh giá trực tuyến.	Phòng học	<p>[2.6.TC2b]: HS thảo luận cách xây dựng và bảo vệ danh tiếng trực tuyến thông qua các hành vi ứng xử số.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS sử dụng kết quả khảo sát tự động từ Google Forms để nhận ra điểm yếu trong năng lực giao tiếp.</p> <p>[5.2.TC2a]: HS giải thích nhu cầu cá nhân về việc sử dụng các công cụ hỗ trợ giao tiếp cho người khiếm khuyết.</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI như công cụ hỗ trợ rèn luyện phát âm và ngữ điệu giao tiếp theo ý thích.</p> <p>9.C3.1: HS thực hiện thêm hoặc sửa dữ liệu hành vi của bản thân để AI đánh giá chính xác hơn.</p> <p>9.D2.1: HS thiết kế các bài kiểm tra đơn giản để đánh giá sự thay đổi trong giao tiếp sau khi dùng AI hỗ trợ.</p>
13	CHỦ ĐỀ 2 (Tiếp) SHTCĐ: Nhận diện điểm tích cực trong hành vi ứng xử	1	13	05	Laptop, video tình huống, tivi.	Phòng học	<p>[2.2.TC2c]: HS áp dụng phương pháp trích dẫn nguồn khi chia sẻ các câu trích dẫn hay về kỹ năng ứng xử.</p> <p>[5.1.TC2a]: HS nhận diện và khắc phục lỗi kết nối âm thanh khi thực hiện phỏng vấn ghi âm bằng điện thoại.</p> <p>[2.6.TC2c]: HS biết cách xóa hoặc ẩn các dữ liệu cá nhân nhạy cảm trong lịch sử giao tiếp trên thiết bị.</p>	<p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về tác động của AI trong việc định hình các chuẩn mực ứng xử của thanh thiếu niên.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích cách thu thập dữ liệu hành vi ứng xử công bằng, không bỏ sót các nhóm đối tượng.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò của mình trong việc giám sát và chịu trách nhiệm với các phản hồi từ AI.</p>
14	SHTCĐ: Xây dựng thông điệp giao tiếp tích cực	1	14	05	Smartphone, ứng dụng Canva/PPT	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế các Poster/Vlog về thông điệp giao tiếp văn minh để tuyên truyền.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng các công cụ thảo luận nhóm (Zalo/Messenger) để cùng thiết kế thông điệp chung.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một công cụ AI đơn giản (như mẫu prompt) để tạo slogan tích cực.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng AI để thiết kế các thông điệp mang đậm dấu ấn cá nhân và đam mê riêng.</p>

							[5.3.TC2a]: HS sử dụng hiệu ứng số để đổi mới hình thức thể hiện thông điệp cho lời cuốn.	9.D1.1: HS trình bày vai trò đồng sáng tạo của mình khi cùng AI xây dựng các chiến dịch truyền thông.
15	SHL: Trò chơi "Phòng vấn" về kỹ năng giao tiếp	1	15	05	Smartphone, video clip phỏng vấn mẫu.	Phòng học	[2.1.TC2a]: HS đóng vai phóng viên thực hiện phỏng vấn và ghi hình bằng smartphone. [2.2.TC2a]: HS chia sẻ clip phỏng vấn lên trang Padlet của lớp để các bạn cùng góp ý. [4.2.TC2b]: HS thảo luận cách xin phép và bảo mật thông tin của người được phỏng vấn trong môi trường số.	9.C3.1: HS thực hiện việc cải thiện chất lượng âm thanh/hình ảnh video phỏng vấn bằng công cụ AI. 9.A3.1: HS thực hành nâng cao kỹ năng hợp tác và giao tiếp khi làm việc cùng hệ thống AI hỗ trợ. 9.D2.1: HS phân tích kết quả phỏng vấn và thử nghiệm các cách cải tiến kịch bản nhờ AI.
16	CHỦ ĐỀ 2 (Tiếp) SHDC: Thuyết trình về tầm quan trọng của thích nghi	1	16	06	Loa, máy chiếu, bài trình chiếu.	Sân trường	[1.2.TC2b]: HS đánh giá chất lượng thông tin từ các video chia sẻ gương thích nghi trên mạng xã hội. [5.2.TC2b]: HS lựa chọn các ứng dụng hỗ trợ học tập mới khi thay đổi môi trường hoặc hình thức học tập. [6.1.TC2a]: HS bước đầu tìm hiểu cách AI thay đổi cách con người thích nghi với việc tìm kiếm tri thức.	9.A1.1: HS phát triển quan điểm phản biện về sự thích nghi của con người trong kỷ nguyên AI bùng nổ. 9.A3.3: HS phân tích những thay đổi mà AI mang lại cho các nghề nghiệp đòi hỏi khả năng thích nghi cao. 9.B2.1: HS trình bày vai trò người dùng trong việc kiểm soát các gợi ý thích nghi từ hệ thống AI.
17	SHTCĐ: Khám phá khả năng thích nghi của bản thân	1	17	06	Máy tính, video tình huống thích nghi.	Phòng học	[1.1.TC2d]: HS tổ chức các chiến lược tìm kiếm thông tin về cách xử lý khi thay đổi môi trường sống. [3.1.TC2a]: HS sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy để thiết kế các kịch bản ứng phó với sự thay đổi.	9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu học tập để thích nghi với thế giới có sự hiện diện của AI. 9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI hỗ trợ mô phỏng các tình huống thay đổi để luyện tập thích nghi.

							[5.3.TC2b]: HS gắn kết nhóm qua các hoạt động giải quyết vấn đề trên môi trường số.	9.D1.1: HS trình bày vai trò của con người là người dẫn dắt AI trong việc tìm giải pháp thích nghi mới.
18	SHL: Tranh biện về sự thích nghi	1	18	06	Smartphone (bấm giờ), máy chiếu.	Phòng học	[2.4.TC2a]: HS sử dụng bảng trắng số (Padlet/Jamboard) để cùng thảo luận luận điểm tranh biện. [4.3.TC2a]: HS giải thích tác hại của việc lạm dụng thế giới ảo để né tránh thực tại (kém thích nghi). [5.4.TC2c]: HS chỉ ra các khóa học trực tuyến để rèn luyện kỹ năng mềm, giúp tăng khả năng thích ứng.	9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến có thể xuất hiện trong các bài tranh luận do AI soạn sẵn. 9.A3.1: HS giữ vững tính sáng tạo và cảm xúc con người khi thực hiện tranh biện thay vì sao chép AI. 9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI cung cấp dữ liệu tranh biện công bằng.
19	CHỦ ĐỀ 2 (Tiếp) SHTCĐ: Đề xuất cách giải quyết tình huống thích nghi	1	19	07	Laptop, tivi, sơ đồ giải quyết vấn đề.	Phòng học	[1.2.TC2a]: HS phân tích, so sánh các giải pháp thích nghi tìm được trên mạng để chọn phương án tốt nhất. [2.1.TC2a]: HS sử dụng công nghệ số để tương tác, đưa ra phản hồi về giải pháp của nhóm bạn. [5.1.TC2b]: HS chọn giải pháp công nghệ (như app nhắc việc) để hỗ trợ quá trình thích nghi thực tế.	9.C2.1: HS vận dụng AI để tạo ra một chatbot hỗ trợ đưa ra các phương án giải quyết tình huống. 9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện để đánh giá tính khả thi của các giải pháp do AI đề xuất. 9.D2.1: HS thiết kế và thực hiện kiểm tra đơn giản để đánh giá độ chính xác của giải pháp AI.
20	SHTCĐ: Khám phá khả năng thích nghi (Tiếp)	1	20	07	Tivi, smartphone, bảng tự đánh giá số.	Phòng học	[2.2.TC2a]: HS sử dụng các nền tảng đám mây để chia sẻ minh chứng về việc thay đổi thói quen tích cực. [4.1.TC2d]: HS giải thích cách bảo mật tài khoản cá nhân khi đăng nhập	9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu về quá trình thích nghi của mình để AI hỗ trợ tốt hơn. 9.A3.2: HS sử dụng AI để thể hiện những thay đổi tích cực trong phong

						trên thiết bị công cộng. [5.2.TC2c]: HS lựa chọn cách tùy chỉnh môi trường số cá nhân để tăng hiệu quả học tập.	cách cá nhân của mình. 9.B2.1: HS nêu vai trò của cá nhân trong việc giám sát sự phát triển năng lực thích nghi qua AI.
21	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng thích nghi	1	21	07	Smartphone, bài trình chiếu của HS.	Phòng học [3.1.TC2b]: HS thiết kế Vlog/Slide kể về quá trình tự vượt qua khó khăn để thích nghi. [2.5.TC2b]: HS thảo luận cách đưa ra phản hồi khích lệ bạn bè qua bình luận nhóm lớp trực tuyến. [6.2.TC2a]: HS sử dụng chatbot AI để gợi ý các bước rèn luyện tâm lý giúp thích nghi nhanh.	9.A2.1: HS nêu các dẫn chứng về việc AI đã hỗ trợ HS thích nghi như thế nào trong học kỳ vừa qua. 9.D1.1: HS khẳng định vai trò là người dẫn dắt AI trong việc tạo ra các sản phẩm thu hoạch sáng tạo. 9.B3.1: HS giải thích cách thu thập dữ liệu rèn luyện công bằng để chia sẻ cho cộng đồng cùng học tập.
22	CHỦ ĐỀ 3: TRÁCH NHIỆM VỚI BẢN THÂN SHDC: Diễn đàn trách nhiệm với nhiệm vụ được giao	1	22	08	Video gương trách nhiệm, máy tính.	Sân trường [2.3.TC2b]: HS thảo luận trên diễn đàn trường về những công nghệ giúp nâng cao trách nhiệm cá nhân. [3.4.TC2a]: HS liệt kê các bước lập kế hoạch học tập trên ứng dụng nhắc việc (Notion/Calendar). [4.4.TC2a]: HS thảo luận cách sử dụng thiết bị số tiết kiệm điện năng như một hành động trách nhiệm.	9.A1.1: HS phát triển quan điểm phản biện về trách nhiệm của con người khi giao phó nhiệm vụ cho AI. 9.B2.1: HS trình bày vai trò người dùng trong việc kiểm soát kết quả cuối cùng do AI thực hiện. 9.A3.3: HS liệt kê các kỹ năng trách nhiệm cần có để làm việc hiệu quả cùng với AI trong tương lai.
23	SHTCĐ: Tìm hiểu thực hiện	1	23	08	Laptop, phiếu học tập số, tivi.	Phòng học [1.3.TC2b]: HS tổ chức các tài liệu học tập cá nhân vào thư mục Drive lớp một cách khoa học.	9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu cá nhân và dùng AI hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm.

	trách nhiệm với nhiệm vụ						<p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn các công cụ (app tính toán/từ điển) để hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ nhanh.</p> <p>+ [2.1.TC2a]: HS sử dụng điện thoại để nhận tin và truyền đạt thông tin chính xác trong trò chơi.</p> <p>+ [5.1.TC2a]: HS nhận diện và báo cáo các lỗi kỹ thuật khi sử dụng thiết bị truyền tin.</p> <p>+ [2.4.TC2a]: HS lựa chọn các công cụ cộng tác để cùng nhóm hoàn thành nhiệm vụ "Truyền tin".</p>	<p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để tự động hóa các khâu nhỏ nhằm tập trung vào nhiệm vụ chính.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò đồng sáng tạo của mình khi phối hợp cùng AI hoàn thành bài tập.</p>
24	SHL: Trò chơi "Truyền tin" về trách nhiệm	1	24	08	Smartphone, các thẻ chữ điện tử.	Phòng học	<p>[2.1.TC2a]: HS sử dụng điện thoại để nhận tin và truyền đạt thông tin chính xác trong trò chơi.</p> <p>[5.1.TC2a]: HS nhận diện và báo cáo các lỗi kỹ thuật khi sử dụng thiết bị truyền tin.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS lựa chọn các công cụ cộng tác để cùng nhóm hoàn thành nhiệm vụ "Truyền tin".</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu thông tin truyền đi để AI nhận diện và xử lý chính xác hơn.</p> <p>9.A3.1: HS nâng cao kỹ năng hợp tác giữa người và hệ thống AI để đạt hiệu quả truyền tin cao nhất.</p> <p>9.D2.1: HS thiết kế kiểm tra đơn giản để đánh giá độ sai lệch thông tin khi qua hệ thống AI.</p>
25	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA KÌ I	1	25	09	Đề kiểm tra, máy in, máy tính GV.	Phòng học	<p>[1.2.TC2a]: HS phân tích, so sánh các tình huống trong đề thi để đưa ra giải pháp đúng.</p> <p>[5.1.TC2b]: HS thực hiện các giải pháp xử lý sự cố (hông bút/lỗi đề) trong lúc làm bài.</p>	<p>9.B2.1: HS trình bày vai trò của mình trong việc chịu trách nhiệm với kết quả bài thi dù có sự hỗ trợ số.</p> <p>9.A3.1: HS thể hiện tư duy phản biện khi lựa chọn các phương án giải quyết</p>

							<p>[4.1.TC2c]: Tuân thủ quy định về an toàn và trung thực (không dùng thiết bị số trái phép).</p>	<p>vấn đề trong đề thi.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của tính minh bạch và công bằng khi AI hỗ trợ chấm bài.</p>
26	SHTCĐ: Trách nhiệm với nhiệm vụ được giao (Tiếp)	1	26	09	Máy tính, sơ đồ kế hoạch, tivi.	Phòng học	<p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng công cụ thảo luận nhóm để phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế bản kế hoạch nhóm dưới dạng Slide trình chiếu rõ ràng.</p> <p>[5.2.TC2a]: HS giải thích nhu cầu cá nhân về việc dùng app quản lý thời gian để xong việc đúng hạn.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một biểu đồ nhiệm vụ thông minh dựa trên nền tảng AI đơn giản.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò dẫn dắt AI trong việc tối ưu hóa quy trình làm việc của nhóm.</p> <p>9.A3.2: HS dùng AI để trình bày kế hoạch cá nhân một cách độc đáo, thể hiện quyết tâm của mình.</p>
27	SHL: Chia sẻ kết quả thực hiện trách nhiệm	1	27	09	Smartphone, ảnh/video minh chứng.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS sử dụng công nghệ số để chia sẻ hình ảnh thực hiện nhiệm vụ tại nhà lên nhóm lớp.</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp lại báo cáo cá nhân vào hồ sơ số (E-Portfolio) để lưu trữ lâu dài.</p> <p>[5.4.TC2b]: HS chỉ ra cách hỗ trợ bạn cùng nhóm sử dụng các app học tập để xong việc chung.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện việc chỉnh sửa và chuẩn hóa dữ liệu minh chứng để lưu trữ vào Portfolio AI.</p> <p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về việc AI đã giúp mình theo dõi và hoàn thành trách nhiệm như thế nào.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả rèn luyện và thử nghiệm cách cải tiến kế hoạch nhờ phản hồi của AI.</p>
28	CHỦ ĐỀ 3 (Tiếp) SHDC: Diễn tiểu phẩm về	1	28	10	Loa đài, micro, kịch bản số.	Sân trường	<p>[3.1.TC2a]: HS chỉ ra được cách chỉnh sửa kịch bản trên máy tính cho phù hợp vai diễn.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS sử dụng phương tiện số để bình chọn tiểu phẩm hay nhất</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI để tạo hiệu ứng âm thanh, hình ảnh cho tiểu phẩm thể hiện sự sáng tạo riêng.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp cùng AI biên tập</p>

	trách nhiệm của học sinh						qua mã QR. [5.3.TC2a]: HS sử dụng phần mềm biên tập video để dựng lại tiểu phẩm làm tư liệu lớp.	kịch bản kịch. 9.B2.1: HS chịu trách nhiệm về nội dung và thông điệp mà tiểu phẩm có AI hỗ trợ truyền tải.
29	SHL: Chia sẻ kết quả và phản hồi thực hiện trách nhiệm	1	29	10	Laptop, tivi, ảnh minh chứng.	Phòng học	<p>[2.2.TC2b]: HS đóng vai trò người trung gian chia sẻ các bài học trách nhiệm qua nhóm trực tuyến.</p> <p>[1.2.TC2a]: HS đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ qua bảng phân tích số liệu cá nhân.</p> <p>[4.2.TC2b]: HS thảo luận cách bảo vệ thông tin cá nhân của bạn khi đăng video bài tập nhóm.</p>	<p>+ [A2] Tư duy lấy con người làm trung tâm: Nêu dẫn chứng về việc AI đã giúp mình theo dõi và hoàn thành trách nhiệm; giải thích các vấn đề thành kiến có thể xuất hiện khi AI tổng hợp ý kiến phản hồi của lớp (9.A2.1, 9.A2.2).</p> <p>+ [C3] Các kỹ thuật và ứng dụng AI: Thực hiện việc chỉnh sửa và chuẩn hóa dữ liệu minh chứng để lưu trữ vào Portfolio AI (9.C3.1).</p> <p>+ [D2] Thiết kế hệ thống AI: Phân tích kết quả rèn luyện và thử nghiệm cách cải tiến kế hoạch nhờ phản hồi của AI (9.D2.1).</p>
30	SHL: Phản hồi kết quả trách nhiệm (Tiếp)	1	30	10	Smartphone, phiếu đánh giá trực tuyến.	Phòng học	<p>[5.1.TC2b]: HS chọn giải pháp tìm hỗ trợ từ cộng đồng học tập trực tuyến khi gặp khó khăn.</p> <p>[2.6.TC2b]: HS thảo luận cách bảo vệ danh tiếng qua việc thực hiện lời hứa và trách nhiệm.</p>	<p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu học tập suốt đời để không ngừng nâng cao trách nhiệm trong kỷ nguyên AI.</p> <p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để tự động nhắc nhở và theo dõi việc</p>

							<p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận về những kỹ năng quản lý công việc còn thiếu và tìm hướng cải thiện.</p>	<p>thực hiện lời hứa của bản thân.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cá nhân trong việc phản hồi và xây dựng môi trường AI học tập lành mạnh.</p>
31	<p>CHỦ ĐỀ 3 (Tiếp) SHDC: Toạ đàm về những căng thẳng và áp lực</p>	1	31	11	Video chuyên gia tâm lý, máy tính.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm thông tin về dấu hiệu Stress từ nguồn tin cậy trên Internet.</p> <p>[4.3.TC2a]: HS giải thích các nguy cơ sức khỏe tinh thần do áp lực mạng (bắt nạt/so sánh).</p> <p>[6.3.TC2a]: HS phân tích hiệu quả của các app hỗ trợ tâm lý/thiền có ứng dụng AI.</p>	<p>9.A1.1: HS hình thành nhận thức phân biệt về việc dùng AI để phân tích tâm lý so với sự an toàn dữ liệu cá nhân.</p> <p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động tích cực đến việc nhận diện sớm các dấu hiệu Stress.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cộng đồng trong việc giám sát tính đạo đức của các ứng dụng tư vấn tâm lý AI.</p>
32	SHTCĐ: Ứng phó với căng thẳng và áp lực	1	32	11	Tivi, video áp lực, smartphone	Phòng học	<p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn các ứng dụng (Forest/Pomodoro) để quản lý thời gian, giảm áp lực.</p> <p>[1.2.TC2a]: HS so sánh các phương pháp thư giãn trên mạng để chọn cách phù hợp nhất.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng Padlet để cùng xây dựng "Ngân hàng giải pháp" chống Stress cho lớp.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một chatbot đơn giản giúp giải đáp các thắc mắc về cách giảm Stress.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò là người dẫn dắt AI trong việc thiết kế lộ trình thư giãn cá nhân hóa.</p> <p>9.A3.2: HS dùng AI như công cụ giúp thể hiện cảm xúc và tìm kiếm sự đồng cảm từ cộng đồng an toàn.</p>
33	SHL: Kể chuyện về tình huống căng thẳng	1	33	11	Laptop, tivi, bài trình chiếu.	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS trình bày câu chuyện của mình bằng sơ đồ tư duy số hoặc video ngắn.</p> <p>[2.5.TC2b]: HS thảo luận cách nhờ</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu câu chuyện cá nhân để AI đưa ra lời khuyên ứng phó phù hợp hơn.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản</p>

	và ứng phó					giúp đỡ của thầy cô qua Email/Zalo một cách tế nhị. [5.1.TC2b]: HS chọn giải pháp tìm đến website tư vấn tâm lý chính thống để giải quyết vấn đề.	biện khi đánh giá các gợi ý giải tỏa căng thẳng từ hệ thống AI. 9.D2.1: HS thiết kế các bài kiểm tra đơn giản để đánh giá mức độ giảm Stress sau khi dùng AI hỗ trợ.
34	CHỦ ĐỀ 3 (Tiếp) SHTCD: Thực hành ứng phó với căng thẳng (Tiếp)	1	34	12	Laptop, video hướng dẫn thư giãn, tivi.	Phòng học [2.1.TC2a]: HS sử dụng công nghệ số để đóng vai nhà tư vấn đưa lời khuyên cho bạn. [3.2.TC2a]: HS thảo luận cách tích hợp bài tập vận động vào lịch trình học tập số. [5.3.TC2b]: HS gắn kết nhóm qua trò chơi vận động não bộ trên nền tảng số để giảm Stress.	9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến có thể nảy sinh khi AI đưa ra các bài tập thư giãn không phù hợp văn hóa. 9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của huấn luyện AI tôn trọng sự đa dạng trong cách ứng phó Stress. 9.A3.1: HS nâng cao kỹ năng hợp tác giữa người và hệ thống AI để cùng nhau vượt qua áp lực.
35	SHTCD: Ứng phó với áp lực cuộc sống (Tiếp)	1	35	12	Máy tính, sơ đồ xử lý tình huống, tivi.	Phòng học [4.3.TC2b]: HS lựa chọn các trò chơi điện tử giáo dục lành mạnh để giải tỏa áp lực. [2.2.TC2b]: HS đóng vai trò người tư vấn chia sẻ cách dùng công nghệ lành mạnh để giảm Stress. [6.2.TC2b]: HS quản lý việc sử dụng chatbot AI để tâm sự, giải tỏa cảm xúc một cách an toàn.	9.B2.1: HS trình bày vai trò của mình trong việc chịu trách nhiệm về tính an toàn khi chia sẻ áp lực với AI. 9.A1.1: HS hình thành quan điểm phản biện về việc quá phụ thuộc vào chatbot AI để giải tỏa cảm xúc. 9.D1.1: HS trình bày vai trò dẫn dắt AI trong việc tìm kiếm các cộng đồng hỗ trợ tâm lý uy tín.
36	SHL: Chia sẻ kết quả ứng phó	1	36	12	Smartphone, bài trình chiếu, tivi.	Phòng học [2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số để chia sẻ minh chứng về việc kiểm soát cảm xúc thành công.	9.C3.1: HS thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu hành trình vượt qua Stress để chia sẻ cho Portfolio AI.

	căng thẳng						<p>[4.1.TC2d]: HS giải thích cách bảo mật riêng tư khi tham gia các diễn đàn tâm lý trực tuyến.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận về sự tiến bộ trong kỹ năng quản lý Stress qua cả học kỳ.</p>	<p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về việc AI đã giúp HS thay đổi thái độ trước áp lực cuộc sống như thế nào.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả rèn luyện và thử nghiệm cách cải tiến kỹ năng tự cân bằng nhờ AI.</p>
37	CHỦ ĐỀ 4: RÈN LUYỆN BẢN THÂN SHDC: Diễn đàn tạo động lực cho bản thân	1	37	13	Loa, máy chiếu, video truyền cảm hứng.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm video truyền động lực của người nổi tiếng trên YouTube.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS sử dụng smartphone tham gia trò chơi tương tác (Kahoot) về chủ đề động lực.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS trình bày tham luận kèm hình ảnh số sinh động về ý nghĩa của tự tạo động lực.</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI hỗ trợ tạo video truyền cảm hứng mang đậm dấu ấn cá nhân và đam mê.</p> <p>9.D1.1: HS đóng vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp cùng AI thiết kế các nội dung tạo động lực.</p> <p>9.B2.1: HS chịu trách nhiệm về tính nhân văn và đạo đức của các thông điệp động lực có sự hỗ trợ của AI.</p>
38	SHTCĐ: Tìm hiểu cách tạo động lực cho bản thân	1	38	13	Smartphone, tivi, video tạo động lực.	Phòng học	<p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng công nghệ (app nhắc nhở/Flashcard số) để duy trì động lực học tập.</p> <p>[2.2.TC2a]: HS chia sẻ các câu trích dẫn tạo động lực (E-cards) qua nhóm lớp.</p> <p>[6.2.TC2a]: HS sử dụng AI để gợi ý các phương pháp học tập mới mẻ, tạo hứng thú.</p>	<p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu học tập và dùng AI như công cụ để duy trì động lực bền bỉ.</p> <p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để cá nhân hóa các lời nhắc nhở động lực theo sở thích cá nhân.</p> <p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về cách AI đã thúc đẩy tính chủ động của HS trong học tập.</p>
39	SHL: Chia sẻ kết quả tạo động	1	39	13	Laptop, tivi, bài trình chiếu	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế Vlog ngắn kể về quá trình tự tạo động lực hoàn thành mục tiêu.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu mục tiêu cá nhân để AI đưa ra các gợi ý rèn luyện hiệu quả hơn.</p>

	lực thực tiễn				của HS.		<p>[2.5.TC2b]: HS thảo luận cách đưa ra phản hồi khích lệ bạn bè qua bình luận mạng.</p> <p>[4.3.TC2c]: HS tham gia vào các hội nhóm trực tuyến lành mạnh để học hỏi kinh nghiệm rèn luyện.</p>	<p>9.D2.1: HS thiết kế bài tự đánh giá đơn giản để đo lường mức độ duy trì động lực sau khi dùng AI.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của tính công bằng khi AI gợi ý lộ trình rèn luyện cho các bạn khác nhau.</p>
40	CHỦ ĐỀ 4 (Tiếp) SHDC: Giao lưu với người truyền cảm hứng, động lực	1	40	14	Máy chiếu, video nhân vật tiêu biểu.	Sân trường	<p>[2.1.TC2b]: HS sử dụng các phương tiện giao tiếp số để gửi câu hỏi trực tuyến cho khách mời.</p> <p>[1.2.TC2a]: HS phân tích, đối chiếu bài học từ khách mời với thực tế bản thân qua ghi chép số.</p> <p>[4.2.TC2b]: HS thảo luận việc xin phép và tôn trọng quyền riêng tư khi quay phim khách mời.</p>	<p>9.A1.1: HS hình thành quan điểm phản biện về sự khác biệt giữa động lực từ con người và các thuật toán AI.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện để đánh giá các lời khuyên từ khách mời so với thông tin AI cung cấp.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cá nhân trong việc phản hồi và lan tỏa các giá trị nhân văn từ buổi giao lưu qua hệ thống AI.</p>
41	SHTCĐ: Thực hành tạo động lực cho bản thân (Tiếp)	1	41	14	Tivi, smartphone, app nhắc việc.	Phòng học	<p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn phần mềm thiết kế bảng mục tiêu (Vision Board) trực tuyến.</p> <p>[3.1.TC2a]: HS thiết kế bài trình chiếu giới thiệu cách xử lý tình huống mất động lực bằng công cụ số.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng Google Docs để cùng bạn xây dựng "Cam kết thi đua" có giám sát.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một công cụ AI đơn giản (như chatbot) giúp khích lệ bạn bè lúc khó khăn.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò dẫn dắt AI trong việc xây dựng "Bảng tâm nhìn" tương lai của chính mình.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng AI như công cụ giúp theo đuổi đam mê và giữ lửa động lực mỗi ngày.</p>
42	SHL: Chia	1	42	14	Smartphon	Phòng	[1.3.TC2a]: HS sử dụng bảng tính	9.C3.1: HS thực hiện thêm hoặc sửa

	sẽ kết quả thực hiện ngân sách cá nhân				e, app quản lý chi tiêu.	học	(Excel) để sắp xếp và quản lý các khoản thu chi. [5.2.TC2a]: HS giải thích nhu cầu cá nhân về minh bạch tài chính qua app ngân sách. [4.1.TC2c]: HS thiết lập mật khẩu bảo vệ ứng dụng tài chính trên điện thoại để an toàn.	dữ liệu thu chi để nâng cao chất lượng phân tích của hệ thống AI tài chính. 9.B2.1: HS trình bày vai trò cá nhân trong việc kiểm soát các đề xuất chi tiêu do AI gợi ý. 9.D2.1: HS thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá độ chính xác của các dự báo tài chính từ AI.
43	CHỦ ĐỀ 4 (Tiếp) SHDC: Giao lưu với chuyên gia về xây dựng ngân sách	1	43	15	Loa, máy chiếu, video ngân sách.	Sân trường	[1.1.TC2b]: HS tìm kiếm mẫu ngân sách cá nhân cho học sinh trên Internet để tham khảo. [2.1.TC2a]: HS tương tác với chuyên gia qua nền tảng Mentimeter gửi câu hỏi. [6.2.TC2a]: HS sử dụng AI để tính toán thử nghiệm các phương án tiết kiệm tiền.	9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động lớn đến việc tối ưu hóa ngân sách cá nhân và xã hội. 9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến có thể xuất hiện khi AI gợi ý các thói quen tiêu dùng khác nhau. 9.B2.1: HS trình bày vai trò của cộng đồng trong việc giám sát tính minh bạch của các ứng dụng quản lý tiền có AI.
44	SHTCĐ: Tìm hiểu cách xây dựng ngân sách cá nhân	1	44	15	Laptop, tivi, mẫu bảng tính Excel.	Phòng học	[1.3.TC2b]: HS tổ chức các danh mục chi tiêu vào bảng tính có cấu trúc khoa học. [3.4.TC2a]: HS liệt kê công thức tính tổng trong bảng tính để tự động hóa quản lý ngân sách. [5.1.TC2b]: HS chọn giải pháp công cụ xác thực dữ liệu (Data Validation) tránh nhập sai.	9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng giải quyết vấn đề quản lý chi tiêu phức tạp bằng các thuật toán AI đơn giản. 9.D1.1: HS khẳng định vai trò là người dẫn dắt AI trong việc phân bổ ngân sách cho các mục tiêu cá nhân. 9.B3.1: HS nêu cách thu thập dữ liệu chi tiêu công bằng để AI đưa ra lời khuyên tiết kiệm khách quan.

45	SHTCĐ: Thực hành xây dựng ngân sách (Tiếp)	1	45	15	Laptop, máy tính, tivi.	Phòng học	<p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng Google Sheets để cùng nhóm xây dựng ngân sách giả định.</p> <p>[1.2.TC2b]: HS phân tích, diễn giải số liệu thu chi qua các biểu đồ số (cột, tròn).</p> <p>[5.3.TC2a]: HS vận dụng công cụ số để tối ưu hóa kế hoạch chi tiêu, dự phòng rủi ro.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một bảng tính thông minh tích hợp AI hỗ trợ dự báo rủi ro tài chính.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả ngân sách nhóm và thử nghiệm cách cải tiến nhờ các phân tích của AI.</p> <p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu tài chính cá nhân trong một thể giới có sự hỗ trợ mạnh mẽ của AI.</p>
46	CHỦ ĐỀ 4 (Tiếp) SHDC: Kịch tương tác về ngân sách học sinh	1	46	16	Loa, smartphone quay phim.	Sân trường	<p>[3.1.TC2b]: HS quay video kịch và đăng lên Fanpage trường để tuyên truyền tiết kiệm.</p> <p>[2.2.TC2b]: HS đóng vai trò trung gian chia sẻ giải pháp tài chính thông minh qua clip kịch.</p> <p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng công cụ số tạo hiệu ứng âm thanh cho vở kịch hấp dẫn.</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI để thiết kế nhân vật và bối cảnh cho kịch tương tác thể hiện đam mê quản lý tài chính.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò là người dẫn dắt AI trong việc biên tập nội dung kịch bản.</p> <p>9.B2.1: HS chịu trách nhiệm về tính trung thực và đạo đức của các thông điệp tài chính có sự hỗ trợ của AI.</p>
47	SHTCĐ: Luyện tập xây dựng ngân sách cá nhân (Tiếp)	1	47	16	Laptop, bảng tính cá nhân, tivi.	Phòng học	<p>[1.3.TC2a]: HS thực hành sắp xếp dữ liệu thu chi hàng tháng trên máy tính theo dõi biến động.</p> <p>[5.2.TC2c]: HS lựa chọn cách điều chỉnh định dạng tiền tệ, màu sắc trong bảng tính dễ nhìn.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS thảo luận nhóm trên Sheets để góp ý cho bảng ngân sách của bạn.</p>	<p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để tự động hóa việc phân loại các khoản chi tiêu phức tạp.</p> <p>9.D2.1: HS thực hiện kiểm tra đơn giản để đánh giá độ chính xác của các dự báo ngân sách từ AI.</p> <p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu tài chính cá nhân thông qua việc lập kế hoạch có AI hỗ trợ.</p>

48	SHTCĐ: Thực hiện ngân sách trong thực tiễn	1	48	16	Smartphon e (app ngân sách), tivi.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số để chia sẻ kết quả chi tiêu thực tế với nhóm lớp.</p> <p>[4.1.TC2c]: HS thực hiện các biện pháp an toàn khi dùng ứng dụng thanh toán điện tử.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận về những kỹ năng quản lý tiền bạc còn thiếu để cải thiện.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện thêm hoặc sửa dữ liệu chi tiêu thực tế để nâng cao chất lượng phân tích của hệ thống AI.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cá nhân trong việc kiểm soát các đề xuất mua sắm do AI gợi ý.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả ngân sách thực tế và thử nghiệm cách cải tiến nhờ phản hồi của AI.</p>
49	CHỦ ĐỀ 4 (Tiếp) SHDC: Diễn kịch tương tác về ngân sách (Tiếp)	1	49	17	Loa, micro, smartphone quét QR.	Sân trường	<p>[2.1.TC2a]: HS dùng điện thoại tương tác, đưa phương án giải quyết kịch qua mã QR.</p> <p>[4.2.TC2c]: HS chỉ ra các tuyên bố quyền riêng tư khi cài đặt app quản lý tiền.</p> <p>[1.2.TC2a]: HS đánh giá tính khả thi của phương án tiết kiệm được đưa ra trong kịch.</p>	<p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động lớn đến việc tối ưu hóa ngân sách xã hội.</p> <p>9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến có thể xuất hiện khi AI gợi ý các thói quen tiêu dùng.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò của cộng đồng trong việc giám sát tính minh bạch của các ứng dụng tài chính AI.</p>
50	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KỲ I	1	50	17	Đề thi thực hành, máy tính.	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS thực hành thiết kế bản ngân sách cá nhân hợp lý trên bảng tính điện tử.</p> <p>[5.1.TC2b]: HS tự tin lựa chọn các giải pháp kỹ thuật để hoàn thành bài thi trên máy đúng hạn.</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp các tệp dữ liệu bài thi vào thư mục đúng quy định đề nộp bài.</p>	<p>9.B2.1: HS trình bày vai trò của mình trong việc chịu trách nhiệm với kết quả bài thi dù có sự hỗ trợ số.</p> <p>9.A3.1: HS thể hiện tư duy phản biện khi lựa chọn các phương án giải quyết vấn đề trong đề thi.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của tính minh bạch và công bằng khi AI hỗ trợ chấm bài.</p>

51	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện học kỳ I	1	51	17	Laptop, tivi, video tổng kết lớp.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số chia sẻ những thành tích đạt được trong học kỳ I.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận và tự đánh giá về sự tiến bộ trong năng lực số so với đầu năm.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS tạo một clip ngắn ghi lại những khoảnh khắc đáng nhớ của lớp trong học kỳ.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu thành tích để chia sẻ cho E-Portfolio AI của cá nhân.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng AI để tạo ra các sản phẩm tổng kết học kỳ mang đậm dấu ấn cá nhân.</p> <p>9.D2.1: HS thực hiện đánh giá đơn giản các sản phẩm tổng kết của bạn bè để gợi ý cải thiện.</p>
52	CHỦ ĐỀ 5: EM VỚI GIA ĐÌNH SHDC: Diễn đàn bầu không khí vui về gia đình	1	52	18	Loa, máy chiếu, clip về gia đình.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm video, bài hát về tình cảm gia đình trên mạng xã hội.</p> <p>[2.1.TC2b]: HS dùng smartphone làm phương tiện gửi lời yêu thương cho người thân tại diễn đàn.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS trình bày tham luận kèm bài trình chiếu có sử dụng hình ảnh số của gia đình.</p>	<p>9.A1.1: HS phát triển quan điểm phản biện về sự khác biệt giữa cảm xúc gia đình thực và sự mô phỏng của AI.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng công cụ AI hỗ trợ tạo video tri ân gia đình để thể hiện tình cảm.</p> <p>9.B2.1: HS chịu trách nhiệm về nội dung và thông điệp nhân văn khi chia sẻ ảnh gia đình lên hệ thống AI.</p>
53	SHTCĐ: Tạo bầu không khí yêu thương/giải quyết bất đồng	1	53	18	Tivi, video tình huống, smartphone	Phòng học	<p>[2.5.TC2a]: HS thảo luận quy tắc ứng xử văn minh trong nhóm Chat gia đình (không dùng từ nặng).</p> <p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn ứng dụng tạo thiệp/video tặng người thân để tạo niềm vui.</p> <p>[6.2.TC2a]: HS sử dụng AI gợi ý cách bắt chuyện, giải quyết mâu thuẫn với bố mẹ tâm lý.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng AI để tạo ra một chatbot đơn giản giúp giải đáp các thắc mắc về kỹ năng hòa giải.</p> <p>9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến do AI gây ra trong việc gợi ý các mẫu câu giao tiếp gia đình.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò dẫn dắt của con người trong việc điều chỉnh AI giao tiếp phù hợp văn hóa.</p>

54	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện giải quyết bất đồng	1	54	18	Smartphone, tivi, ảnh chụp.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số chia sẻ khoảnh khắc gia đình hạnh phúc sau giải hòa.</p> <p>[2.6.TC2b]: HS thảo luận cách bảo vệ "hình ảnh gia đình" khi đăng thông tin lên mạng.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận về những kỹ năng quản lý cảm xúc khi tương tác số còn thiếu.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu câu chuyện gia đình để AI hỗ trợ đưa ra lời khuyên phù hợp hơn.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện khi đánh giá các gợi ý giải quyết mâu thuẫn từ hệ thống AI.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả rèn luyện và thử nghiệm cách cải tiến kỹ năng nhờ phản hồi của AI.</p>
55	CHỦ ĐỀ 5 (Tiếp) SHDC: Triển lãm sản phẩm "Em với gia đình"	1	55	19	Bàn trưng bày, smartphone quét mã QR.	Sân trường	<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế sản phẩm số (Vlog nấu ăn, album ảnh điện tử) để triển lãm.</p> <p>[2.2.TC2b]: HS hướng dẫn thầy cô và bạn bè cách truy cập kho sản phẩm số qua mã QR.</p> <p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng nền tảng (Padlet/Canva) để đổi mới hình thức giới thiệu sản phẩm.</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI để thiết kế các sản phẩm triển lãm mang phong cách độc đáo của gia đình mình.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp cùng AI biên tập các nội dung triển lãm.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI tôn trọng bản quyền hình ảnh của các gia đình.</p>
56	SHTCĐ: Tổ chức, sắp xếp khoa học công việc gia đình	1	56	19	Video sắp xếp nhà, máy tính, tivi.	Phòng học	<p>[1.3.TC2a]: HS sử dụng app ghi chú số (Keep/Evernote) để liệt kê việc nhà khoa học.</p> <p>[3.4.TC2a]: HS liệt kê chỉ dẫn thực hiện công việc hàng ngày cho các thành viên gia đình.</p> <p>[5.1.TC2a]: HS nhận diện vấn đề kỹ thuật khi sử dụng thiết bị gia dụng thông minh (IoT).</p>	<p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để tự động hóa việc lên lịch trình làm việc nhà tối ưu cho thành viên.</p> <p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động tích cực đến việc giải phóng sức lao động tại gia.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò của con người là người dẫn dắt AI trong việc thiết kế lộ trình việc nhà.</p>

57	SHL: Chia sẻ kết quả sắp xếp việc gia đình	1	57	19	Smartphone (app nhắc việc), tivi.	Phòng học	<p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng app lịch chung để phối hợp thực hiện việc nhà với bố mẹ, anh chị.</p> <p>[4.3.TC2c]: HS thảo luận công nghệ giúp kết nối và hỗ trợ quản lý việc nhà cho thành viên.</p> <p>[5.4.TC2b]: HS chỉ dẫn người thân cách sử dụng app mua sắm trực tuyến tiết kiệm thời gian.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu quy trình việc nhà để AI hỗ trợ quản lý hiệu quả hơn.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cá nhân trong việc kiểm soát các dự báo thời gian hoàn thành việc từ AI.</p> <p>9.D2.1: HS thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá độ chính xác của các phân tích việc nhà do AI thực hiện.</p>
58	CHỦ ĐỀ 5 (Tiếp) SHDC: Toạ đàm "Phát triển kinh tế gia đình"	1	58	20	Loa, máy chiếu, video gương sản xuất.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tìm kiếm thông tin về các mô hình kinh tế gia đình hiệu quả tại địa phương.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS gửi ý tưởng phát triển kinh tế cho khách mời qua nền tảng bình chọn số.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS thể hiện bản thân qua đề xuất ý tưởng kinh doanh bằng bài thuyết trình số.</p>	<p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về việc AI tác động đến các mô hình sản xuất và kinh tế hộ gia đình hiện nay.</p> <p>9.A3.3: HS phân tích những thay đổi mà AI mang lại cho các nghề nghiệp kinh doanh gia đình tương lai.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cộng đồng trong việc giám sát tính đạo đức của các thuật toán kinh tế AI.</p>
59	SHTCĐ: Biện pháp phát triển kinh tế gia đình	1	59	20	Laptop, tivi, website tìm kiếm.	Phòng học	<p>[1.2.TC2a]: HS phân tích, đánh giá nhu cầu thị trường đối với sản phẩm từ báo điện tử.</p> <p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng công cụ marketing số (trang quảng cáo) để giới thiệu sản phẩm.</p> <p>[6.2.TC2a]: HS sử dụng AI phân tích xu hướng tiêu dùng, hỗ trợ lập kế hoạch kinh doanh.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một công cụ AI đơn giản (như mẫu prompt) để nghiên cứu thị trường.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện khi đánh giá các dự báo kinh tế từ hệ thống AI.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò đồng sáng tạo của mình khi phối hợp cùng AI lập kế hoạch kinh doanh.</p>

60	SHL: Phản hồi kết quả chia sẻ biện pháp kinh tế	1	60	20	Smartphone, tivi, ghi âm ý kiến.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS sử dụng công nghệ số chia sẻ phản hồi của bố mẹ về ý tưởng kinh tế mình.</p> <p>[3.2.TC2a]: HS thảo luận cách tinh chỉnh kế hoạch kinh doanh sau khi nhận góp ý.</p> <p>[4.2.TC2b]: HS thảo luận cách bảo mật thông tin tài chính/bí mật kinh doanh trên mạng.</p>	<p>9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thiên vị có thể nảy sinh khi AI gợi ý các phân khúc khách hàng.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích cách thu thập dữ liệu thị trường công bằng, không bỏ sót các nhóm đối tượng.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả dự kiến và thử nghiệm cách cải tiến kế hoạch nhờ phản hồi của AI.</p>
61	CHỦ ĐỀ 6: EM VỚI CỘNG ĐỒNG SHDC: Giao lưu thành viên mạng lưới cộng đồng	1	61	21	Video mạng lưới, máy tính, tivi.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm thông tin về tổ chức thiện nguyện, CLB cộng đồng địa phương.</p> <p>[2.3.TC2a]: HS sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến tìm cách tham gia hoạt động cộng đồng.</p> <p>[4.3.TC2c]: HS thảo luận công nghệ giúp tăng cường thịnh vượng xã hội (app từ thiện).</p>	<p>9.A1.1: HS hình thành quan điểm phản biện về việc dùng AI để kết nối mạng lưới so với sự an toàn dữ liệu.</p> <p>9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động lớn đến việc tăng cường các hoạt động cộng đồng.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò người dùng trong việc kiểm soát các nội dung thiện nguyện do AI gợi ý.</p>
62	SHTCĐ: Xây dựng và phát triển cộng đồng	1	62	21	Laptop, sơ đồ mạng lưới, tivi.	Phòng học	<p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng app quản lý nhóm kết nối thành viên có cùng mục đích cộng đồng.</p> <p>[3.1.TC2a]: HS thiết kế sơ đồ mạng lưới quan hệ cộng đồng bằng công cụ Canva.</p> <p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn các giải pháp số (Website/Fanpage) để quảng bá hoạt động.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng AI để tạo ra một mô hình đơn giản hỗ trợ phân loại nhu cầu cần giúp đỡ của cộng đồng.</p> <p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu phát triển cộng đồng có sự hỗ trợ của các công cụ AI.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò dẫn dắt của con người trong việc thiết kế hệ thống AI phục vụ cộng đồng.</p>

63	SHL: Chia sẻ kết quả hoạt động địa phương	1	63	21	Smartphone, ảnh/video hoạt động.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số chia sẻ hình ảnh tham gia giáo dục truyền thống lên lớp.</p> <p>[1.2.TC2a]: HS đánh giá hiệu quả việc dùng mạng xã hội lan tỏa giá trị truyền thống.</p> <p>[4.1.TC2d]: HS giải thích cách thức quan tâm độ tin cậy thông tin lịch sử khi tìm trên mạng.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu hình ảnh hoạt động địa phương để nâng cao chất lượng truyền thông.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng AI để thể hiện nét đẹp văn hóa địa phương mình một cách độc đáo và sáng tạo.</p> <p>9.D2.1: HS thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá mức độ tương tác của cộng đồng sau khi dùng AI hỗ trợ.</p>
64	CHỦ ĐỀ 6 (Tiếp) SHDC: Diễn đàn "Giao tiếp văn minh trên mạng xã hội"	1	64	22	Video giao tiếp mạng, máy chiếu.	Sân trường	<p>[2.5.TC2a]: HS thảo luận chuẩn mực hành vi văn minh và an toàn khi tương tác mạng.</p> <p>[4.2.TC2a]: HS giải thích biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân khi tham gia mạng xã hội.</p> <p>[2.6.TC2b]: HS đề xuất cách cụ thể để bảo vệ danh tiếng trực tuyến cho học sinh.</p>	<p>9.A2.2: HS giải thích các vấn đề thành kiến do AI gây ra trong việc lọc bình luận và gợi ý nội dung mạng.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò của cá nhân trong việc phản hồi các thuật toán giao tiếp thiếu văn minh.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của huấn luyện AI tôn trọng sự đa dạng trong ngôn ngữ cộng đồng.</p>
65	SHTCĐ: Khảo sát thực trạng giao tiếp mạng xã hội	1	65	22	Smartphone, biểu mẫu Forms.	Phòng học	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức khảo sát trực tuyến về nội dung/thời gian dùng mạng của bạn bè.</p> <p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn thiết lập bộ phiếu hỏi bằng Google Forms để thu thập dữ liệu.</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp và lưu trữ kết quả phản hồi khảo sát trên tệp bảng tính.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một công cụ AI đơn giản (prompt) giúp phân tích nhanh kết quả khảo sát.</p> <p>9.D1.1: HS khẳng định vai trò đồng sáng tạo của mình khi phối hợp cùng AI thiết kế bộ phiếu khảo sát.</p> <p>9.C3.1: HS thực hiện việc xóa hoặc sửa các dữ liệu ảo trong khảo sát để AI phân tích thực trạng chính xác.</p>

66	SHL: Chia sẻ kết quả khảo sát giao tiếp	1	66	22	Máy tính, tivi, biểu đồ kết quả.	Phòng học	<p>[1.2.TC2b]: HS phân tích, diễn giải số liệu chỉ ra điểm chưa văn minh trong giao tiếp số.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế báo cáo bằng biểu đồ số minh họa rõ nét thực trạng giao tiếp.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận về kĩ năng số cần được cải thiện sau khi xem kết quả.</p>	<p>9.A2.1: HS nêu các dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động định hình phong cách giao tiếp giới trẻ.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện khi đánh giá các nhận xét về thực trạng giao tiếp từ AI.</p> <p>9.D2.1: HS phân tích kết quả khảo sát và thử nghiệm cách cải tiến chuẩn mực giao tiếp nhờ phản hồi AI.</p>
67	CHỦ ĐỀ 6 (Tiếp) SHDC: Truyền thông văn đề học đường	1	67	23	Loa, video clip truyền thông của HS.	Sân trường	<p>[2.3.TC2a]: HS lựa chọn các dịch vụ MXH (Facebook/YouTube) làm kênh truyền thông.</p> <p>[3.2.TC2a]: HS thảo luận cách sửa đổi nội dung truyền thông phù hợp đối tượng dân cư.</p> <p>[4.3.TC2c]: HS thảo luận công nghệ giúp ngăn chặn bắt nạt học đường và chất kích thích.</p>	<p>9.A1.1: HS hình thành quan điểm phản biện về thách thức giữa đổi mới AI truyền thông và sự an toàn HS.</p> <p>9.A3.2: HS sử dụng AI hỗ trợ tạo các video truyền thông học đường mang thông điệp nhân văn sâu sắc.</p> <p>9.B2.1: HS trình bày vai trò cá nhân trong việc giám sát và chịu trách nhiệm với các phản hồi AI truyền thông.</p>
68	SHTCĐ: Xây dựng kế hoạch truyền thông	1	68	23	Laptop, tivi, mẫu kế hoạch.	Phòng học	<p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng công cụ Canva để cùng nhóm thiết kế Poster truyền thông.</p> <p>[1.1.TC2d]: HS tổ chức chiến lược tìm kiếm thông tin chính xác về bạo lực học đường.</p> <p>[3.3.TC2a]: HS thảo luận quy tắc bản quyền khi trích dẫn số liệu từ các</p>	<p>9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng vận dụng AI để tạo ra các slogan và hình ảnh truyền thông thu hút.</p> <p>9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu truyền thông và dùng AI hỗ trợ lập kế hoạch chi tiết.</p> <p>9.B3.1: HS giải thích cách thu thập dữ liệu minh chứng công bằng để AI đưa</p>

							tổ chức.	ra nội dung truyền thông đúng.
69	SHL: Chia sẻ kết quả truyền thông cộng đồng	1	69	23	Smartphone, ảnh minh chứng, tivi.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số lan tỏa thông điệp truyền thông ra cộng đồng.</p> <p>[5.1.TC2b]: HS chọn giải pháp xử lý sự cố khi tệp truyền thông bị lỗi không mở được.</p> <p>[6.2.TC2b]: HS dùng AI đánh giá mức độ tiếp cận và phản hồi của cộng đồng bài đăng.</p>	<p>9.C3.1: HS thực hiện việc chỉnh sửa và chuẩn hóa dữ liệu kết quả truyền thông để chia sẻ cho Portfolio AI.</p> <p>9.D1.1: HS trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp cùng AI biên tập các báo cáo kết quả truyền thông.</p> <p>9.D2.1: HS thực hiện kiểm tra đơn giản để đánh giá hiệu quả lan tỏa của chiến dịch sau khi dùng AI.</p>
70	CHỦ ĐỀ 7: EM VỚI THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SHDC: Thi thuyết trình di sản thế giới	1	70	24	Loa, máy chiếu, video cảnh quan.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm hình ảnh, video chất lượng cao về di sản trên Internet.</p> <p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế bài thuyết trình đa phương tiện ấn tượng về các di sản.</p> <p>[5.1.TC2a]: HS phân biệt và xử lý vấn đề kỹ thuật khi kết nối âm thanh bài thi.</p>	<p>9.A3.2: HS sử dụng AI hỗ trợ tạo video giới thiệu di sản mang đậm dấu ấn cá nhân và tình yêu quê hương.</p> <p>9.D1.1: HS đóng vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp cùng AI thiết kế các nội dung trình diễn di sản.</p> <p>9.B2.1: HS chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin di sản khi có sự hỗ trợ biên tập từ hệ thống AI.</p>
71	SHTCĐ: Tìm hiểu cách thiết kế sản phẩm giới thiệu	1	71	24	Laptop, tivi, công cụ Canva.	Phòng học	<p>[3.1.TC2a]: HS chỉ ra được cách tạo video giới thiệu cảnh quan bằng app smartphone.</p> <p>[3.2.TC2a]: HS thảo luận cách tích hợp âm nhạc truyền thống vào đoạn phim quảng bá.</p>	<p>9.C2.1: HS vận dụng AI để tạo ra một kịch bản giới thiệu cảnh quan từ những từ khóa mô tả cơ bản.</p> <p>9.A3.1: HS phát triển tư duy phản biện để đánh giá các lời khuyên về phong cách thiết kế sản phẩm từ AI.</p>

							[5.3.TC2a]: HS phân biệt được các công cụ số hỗ trợ thiết kế sản phẩm du lịch.	9.C3.1: HS thực hiện cải thiện bộ dữ liệu hình ảnh cảnh quan để AI hỗ trợ dựng phim chất lượng cao.
72	SHL: Triển lãm sản phẩm giới thiệu cảnh quan	1	72	24	Mã QR sản phẩm, smartphone, tivi.	Phòng học	[2.2.TC2b]: HS đóng vai trung gian chia sẻ thông tin cảnh quan qua hướng dẫn quét QR. [2.1.TC2a]: HS sử dụng công nghệ số tương tác và bình chọn sản phẩm đẹp nhất lớp. [4.2.TC2c]: HS chỉ ra việc tôn trọng quyền riêng tư khi chụp ảnh sản phẩm của bạn.	9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI tôn trọng bản quyền hình ảnh thắng cảnh. 9.D2.1: HS thử nghiệm các cách cải tiến hình thức triển lãm dựa trên kết quả phân tích của AI. 9.A3.2: HS dùng AI như công cụ giúp theo đuổi đam mê nhiếp ảnh thiên nhiên và giới thiệu tới cộng đồng.
73	CHỦ ĐỀ 7 (Tiếp) SHTCĐ: Thiết kế sản phẩm giới thiệu cảnh quan	1	73	25	Laptop, máy chiếu, app chỉnh sửa.	Phòng học	[3.1.TC2b]: HS trực tiếp tạo sản phẩm số (Vlog/Infographic) giới thiệu thắng cảnh. [1.3.TC2a]: HS sắp xếp tệp dữ liệu hình ảnh vào thư mục dự án một cách khoa học. [4.1.TC2a]: HS thiết lập các biện pháp bảo vệ bản quyền (đóng dấu ảnh) cho sản phẩm.	9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một công cụ AI đơn giản giúp tạo tiêu đề và phụ đề hấp dẫn cho Vlog. 9.D1.1: HS khẳng định vai trò là người dẫn dắt AI trong việc biên tập phim giới thiệu cảnh quan. 9.C3.1: HS thực hiện việc thêm hoặc sửa dữ liệu thông tin thắng cảnh để AI phân loại sản phẩm chính xác.
74	SHTCĐ: Quảng bá cảnh quan qua sự kiện	1	74	25	Laptop, mẫu kế hoạch sự kiện.	Phòng học	[2.4.TC2a]: HS sử dụng công cụ thiết kế cộng tác cùng nhóm xây dựng kế hoạch quảng bá. [5.2.TC2b]: HS lựa chọn các nền tảng số (MXH/Livestream) để quảng bá sự kiện.	9.C2.1: HS đề xuất ý tưởng dùng AI để cá nhân hóa các thư mời tham gia sự kiện quảng bá cảnh quan. 9.A3.1: HS nâng cao kỹ năng hợp tác giữa người và hệ thống AI để tổ chức sự kiện chuyên nghiệp.

							[3.2.TC2a]: HS thảo luận cách tích hợp phản hồi của bạn bè để hoàn thiện kế hoạch.	9.D2.1: HS thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá mức độ hấp dẫn của kế hoạch sau khi dùng AI.
75	SHL: Phản hồi kết quả quảng bá cảnh quan	1	75	25	Smartphone, website du lịch, tivi.	Phòng học	[2.3.TC2b]: HS thảo luận về các diễn đàn du lịch uy tín để đăng sản phẩm cho cộng đồng. [5.2.TC2c]: HS lựa chọn điều chỉnh định dạng tệp (MP4/PDF) để dễ chia sẻ mọi thiết bị. [6.2.TC2a]: HS sử dụng AI để tối ưu hóa từ khóa giúp sản phẩm dễ tiếp cận hơn.	9.A2.1: HS nêu các dẫn chứng về việc AI đã giúp sản phẩm quảng bá cảnh quan tiếp cận cộng đồng hiệu quả. 9.B2.1: HS trình bày vai trò của cá nhân trong việc phản hồi và chịu trách nhiệm với các bình luận từ AI. 9.D2.1: HS phân tích kết quả quảng bá và thử nghiệm cách cải tiến nhờ phản hồi của thuật toán AI.
76	CHỦ ĐỀ 7 (Tiếp) SHDC: Giao lưu chuyên gia thực trạng ô nhiễm	1	76	26	Loa, micro, video thực trạng.	Sân trường	[1.1.TC2b]: HS tìm kiếm các báo cáo số về chỉ số ô nhiễm (AQI) địa phương trên mạng. [4.4.TC2a]: HS thảo luận tác động của rác thải điện tử đối với môi trường. [5.1.TC2b]: HS chọn giải pháp dùng thiết bị đo cảm biến thông minh theo dõi ô nhiễm.	9.A1.1: HS phát triển quan điểm phản biện về sự ưu tiên phát triển AI so với sự an toàn môi trường sống. 9.A2.1: HS nêu dẫn chứng giải thích tại sao AI có tác động lớn đến việc dự báo và ngăn ngừa ô nhiễm. 9.B2.1: HS trình bày vai trò cộng đồng trong việc giám sát tính minh bạch của các trạm quan trắc AI.
77	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KỲ II	1	77	26	Đề thi thực hành, máy tính.	Phòng học	[3.1.TC2b]: HS thiết kế một kế hoạch hành động số về bảo vệ môi trường gia đình. [1.2.TC2a]: HS phân tích số liệu môi trường trong đề để đưa ra đánh giá chính xác.	9.B2.1: HS trình bày vai trò của mình trong việc chịu trách nhiệm với các giải pháp môi trường tự đề xuất. 9.A3.1: HS thực hành xác định mục tiêu bảo vệ môi trường cá nhân trong một thế giới có hỗ trợ của AI.

							[5.3.TC2a]: HS vận dụng công cụ sơ đồ tư duy để đổi mới cách trình bày báo cáo.	9.B3.1: HS giải thích tầm quan trọng của tính minh bạch dữ liệu khi AI hỗ trợ đánh giá bài thi.
78	SHL: Chia sẻ bài học kinh nghiệm rèn luyện học kỳ II	1	78	26	Smartphone, bài trình chiếu của HS.	Phòng học	[2.2.TC2a]: HS sử dụng nền tảng số chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng bảo vệ thiên nhiên. [5.4.TC2a]: HS thảo luận về kỹ năng số cần được cải thiện trong hoạt động môi trường. [2.6.TC2b]: HS thảo luận việc duy trì danh tiếng tích cực qua hoạt động xã hội trực tuyến.	9.C3.1: HS thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu rèn luyện môi trường để chia sẻ cho Portfolio AI cá nhân. 9.A2.1: HS nêu dẫn chứng về việc AI đã giúp mình thay đổi thói quen bảo vệ thiên nhiên như thế nào. 9.D2.1: HS thực hiện đánh giá đơn giản các sản phẩm rèn luyện của bạn bè để gợi ý cải thiện.
79	CHỦ ĐỀ 7 (Tiếp) SHTCĐ: Khảo sát thực trạng ô nhiễm tại địa bàn	1	79	27	Smartphone, mẫu phiếu Forms.	Phòng học	[1.1.TC2b]: HS tổ chức khảo sát trực tuyến về nguyên nhân gây ô nhiễm nơi sinh sống. [5.2.TC2b]: HS lựa chọn thiết lập bộ phiếu khảo sát bằng Google Forms thu thập dữ liệu. [4.2.TC2b]: HS thảo luận cách bảo mật danh tính người khảo sát trong chính sách riêng tư.	9.C2.1: HS vận dụng kiến thức tạo ra một công cụ AI đơn giản (prompt) giúp thiết kế bộ câu hỏi khảo sát. 9.D1.1: HS khẳng định vai trò là người dẫn dắt AI trong việc xác định các tiêu chí khảo sát môi trường. 9.B3.1: HS giải thích cách thu thập dữ liệu ô nhiễm công bằng, không bỏ sót các khu vực nhạy cảm.
80	SHTCĐ: Thiết kế công cụ khảo sát môi trường	1	80	27	Smartphone, laptop, tivi.	Phòng học	[1.3.TC2a]: HS sắp xếp và lưu trữ kết quả khảo sát môi trường vào tệp bảng tính khoa học. [3.2.TC2a]: HS thảo luận cách sửa bảng hỏi để thu thập thông tin ô nhiễm chính xác hơn.	9.C3.1: HS thực hiện việc thêm hoặc sửa dữ liệu ô nhiễm thu thập được để nâng cao chất lượng sản phẩm AI. 9.B2.1: HS trình bày vai trò của cá nhân trong việc giám sát tính xác thực của dữ liệu khảo sát nạp vào AI.

							[5.1.TC2a]: HS nhận diện các lỗi dữ liệu khi nhập liệu khảo sát và tìm cách sửa.	9.D2.1: HS thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá độ tin cậy của các phân tích môi trường từ AI.
81	SHTCĐ: Luyện tập thiết kế công cụ (Tiếp)	1	81	27	Laptop, biểu mẫu Google Forms.	Phòng học	[2.4.TC2a]: HS dùng công cụ thiết kế cộng tác cùng hoàn thiện bộ phiếu hỏi cho nhóm. [5.3.TC2b]: HS gắn kết nhóm qua việc cùng xử lý các tình huống môi trường trong khảo sát. [4.1.TC2c]: HS lựa chọn cài đặt an toàn cho biểu mẫu để tránh bị Spam dữ liệu.	9.C2.1: Đề xuất ý tưởng mới dùng AI để thiết kế các câu hỏi khảo sát môi trường thông minh. 9.D1.1: Trình bày vai trò của con người là người dẫn dắt trong thiết kế công cụ khảo sát. 9.B2.1: Trình bày vai trò người dùng trong kiểm soát và chịu trách nhiệm với kết quả do AI tạo ra.
82	CHỦ ĐỀ 7 (Tiếp) SHTCĐ: Thực hiện khảo sát ô nhiễm theo kế hoạch	1	82	28	Laptop, kết quả khảo sát.	Phòng học	[1.2.TC2b]: HS phân tích, diễn giải dữ liệu khảo sát bằng các biểu đồ số trên Excel. [2.4.TC2a]: HS dùng công cụ thảo luận nhóm thống nhất nội dung tuyên truyền theo số liệu. [6.1.TC2a]: HS áp dụng các nguyên tắc AI để phân tích xu hướng ô nhiễm từ dữ liệu.	9.A1.1: Phát triển quan điểm phản biện về thách thức ưu tiên dùng AI phân tích ô nhiễm và sự an toàn người dùng. 9.D1.1: Trình bày vai trò của con người là đồng sáng tạo khi phối hợp với AI xử lý dữ liệu khảo sát. 9.B2.1: Nêu vai trò cá nhân trong việc giám sát và phản hồi các phân tích ô nhiễm từ AI.
83	SHTCĐ: Lập kế hoạch tuyên truyền bảo vệ môi	1	83	28	Laptop, mẫu kế hoạch.	Phòng học	[3.1.TC2b]: HS trình bày kế hoạch tuyên truyền bằng bài thuyết trình số sinh động. [1.3.TC2b]: HS tổ chức các tài liệu tuyên truyền vào thư mục nhóm để	9.C2.1: Vận dụng kiến thức tạo ra một chatbot đơn giản hỗ trợ giải đáp thắc mắc về bảo vệ môi trường. 9.D1.1: Khẳng định vai trò dẫn dắt của con người khi cùng AI thiết kế các

	trường						<p>để chia sẻ.</p> <p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn các kênh (Video/Podcast) phù hợp để lan tỏa thông điệp.</p>	chiến dịch truyền thông xanh.
84	SHL: Chia sẻ kết quả tuyên truyền môi trường	1	84	28	Smartphone, video tuyên truyền.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS sử dụng nền tảng số chia sẻ clip ngắn kêu gọi người dân không xả rác.</p> <p>[4.4.TC2a]: HS thảo luận cách tuyên truyền việc xử lý rác thải điện tử an toàn.</p> <p>[6.2.TC2b]: HS dùng AI hỗ trợ thiết kế các tờ rơi số về môi trường ấn tượng.</p>	<p>9.D1.1: Trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp với AI để biên tập báo cáo kết quả tuyên truyền.</p> <p>9.D2.1: Phân tích kết quả truyền thông và thử nghiệm cách cải tiến sản phẩm dựa trên phản hồi của AI.</p> <p>9.B2.1: Chịu trách nhiệm về tính trung thực của các số liệu kết quả tuyên truyền khi có AI hỗ trợ.</p>
85	CHỦ ĐỀ 8: KHÁM PHÁ THẾ GIỚI NGHỀ NGHIỆP SHDC: Diễn đàn chọn nghề theo quan tâm/trào lưu	1	85	29	Máy chiếu, video các nhóm nghề.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm thông tin về nhu cầu lao động của nghề hiện đại trên mạng.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS dùng smartphone bình luận trực tiếp về quan điểm chọn nghề qua mã QR.</p> <p>[6.2.TC2a]: HS sử dụng AI làm bài trắc nghiệm hướng nghiệp tìm nghề phù hợp.</p>	<p>9.A1.1: Hình thành nhận thức về thách thức của việc dùng AI định hướng nghề nghiệp và quyền lợi người học.</p> <p>9.A3.3: Phân tích những thay đổi mà AI mang lại cho các ngành nghề trong tương lai.</p> <p>9.B3.1: Giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI hướng nghiệp công bằng và đa dạng.</p>
86	SHTCĐ: Thực hành tìm hiểu	1	86	29	Laptop, website hướng	Phòng học	<p>[1.2.TC2a]: HS đánh giá độ tin cậy thông tin tuyển sinh và yêu cầu nghề trên website.</p>	<p>9.A2.2: Giải thích được các vấn đề thành kiến mà AI có thể gây ra khi gợi ý nghề nghiệp theo trào lưu.</p>

	nghề em quan tâm				nghề.		<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế bài giới thiệu nghề quan tâm bằng video ngắn/Vlog.</p> <p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng các nền tảng thực tế ảo (VR) trải nghiệm môi trường làm nghề.</p>	<p>9.A3.1: Thực hành xác định mục tiêu học tập cá nhân thông qua các công cụ AI hỗ trợ tìm hiểu nghề.</p> <p>9.D2.1: Thiết kế kiểm tra đơn giản để đánh giá độ chính xác của các thông tin nghề do AI cung cấp.</p>
87	SHL: Chia sẻ kết quả tìm hiểu nghề thực tế	1	87	29	Smartphone, ảnh thực hành nghề.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số chia sẻ ảnh trải nghiệm làm nghề tại địa phương.</p> <p>[4.3.TC2a]: HS giải thích nguy hiểm và cách giữ an toàn lao động qua tư liệu mạng.</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp thông tin nghề thu thập được vào thư mục máy tính cá nhân.</p>	<p>9.D1.1: Trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp với AI để thiết kế hồ sơ trải nghiệm nghề nghiệp.</p> <p>9.D2.1: Phân tích kết quả trải nghiệm và thử nghiệm cách cải tiến kỹ năng nghề nhờ AI hỗ trợ.</p> <p>9.B2.1: Trình bày vai trò cá nhân trong việc kiểm soát các nội dung trải nghiệm nghề chia sẻ qua hệ thống AI.</p>
88	CHỦ ĐỀ 8 (Tiếp) SHDC: Giới thiệu các nghề có xu hướng trong tương lai	1	88	30	Video xu hướng nghề nghiệp.	Sân trường	<p>[1.1.TC2d]: HS tổ chức chiến lược tìm kiếm thông tin các nghề mới trong kỷ nguyên số.</p> <p>[2.1.TC2b]: HS lựa chọn phương tiện số phù hợp để đặt câu hỏi cho chuyên gia tư vấn.</p> <p>[6.1.TC2a]: HS áp dụng nguyên tắc AI dự đoán sự thay đổi của ngành nghề truyền thống.</p>	<p>9.A1.1: Phát triển quan điểm phản biện về sự thay thế của AI đối với một số nghề nghiệp hiện nay.</p> <p>9.A3.3: Liệt kê các kỹ năng quan trọng cần trang bị để làm việc hiệu quả cùng với AI trong tương lai.</p> <p>9.B3.1: Giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI dự báo nghề nghiệp không phân biệt đối xử.</p>
89	SHTCĐ: Đánh giá phẩm chất,	1	89	30	Laptop, bảng tự đánh giá	Phòng học	<p>[5.4.TC2a]: HS sử dụng công cụ tự đánh giá số thảo luận về kỹ năng còn thiếu.</p>	<p>9.A2.2: Giải thích vấn đề "thiên vị" mà AI có thể gây ra khi đánh giá năng lực dựa trên dữ liệu cũ.</p>

	năng lực bản thân				số.		<p>[3.4.TC2a]: HS liệt kê kế hoạch rèn luyện trên ứng dụng lịch (Google Calendar).</p> <p>[2.6.TC2b]: HS thảo luận cách xây dựng hồ sơ năng lực số (Digital Portfolio).</p>	<p>9.A3.1: Giữ vững tính sáng tạo và cảm xúc con người khi tự đánh giá thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào AI.</p> <p>9.D2.1: Thiết kế bài kiểm tra đơn giản để đánh giá mức độ tiến bộ bản thân sau khi dùng AI hỗ trợ.</p>
90	SHL: Chia sẻ kết quả rèn luyện năng lực nghề nghiệp	1	90	30	Smartphone, phiếu đánh giá.	Phòng học	<p>[2.2.TC2b]: HS đóng vai trung gian chia sẻ bài học kinh nghiệm rèn kỹ năng qua nhóm lớp.</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp minh chứng rèn luyện vào thư mục cá nhân trên Drive.</p> <p>[6.1.TC2b]: HS thực hiện thao tác trên AI để tìm kiếm bài tập rèn luyện năng lực tư duy.</p>	<p>9.C3.1: Thực hiện cải thiện bộ dữ liệu về quá trình rèn luyện năng lực để AI phân tích chính xác hơn.</p> <p>9.D2.1: Phân tích kết quả rèn luyện và thử nghiệm cách cải tiến năng lực nhờ phản hồi từ hệ thống AI.</p> <p>9.B2.1: Trình bày vai trò người dùng trong kiểm soát và chịu trách nhiệm với hồ sơ năng lực do AI hỗ trợ.</p>
91	CHỦ ĐỀ 9: HIỂU BẢN THÂN, CHỌN ĐÚNG NGHỀ SHDC: Giới thiệu hệ thống cơ sở GDNN	1	91	31	Video giới thiệu trường nghề.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS tổ chức tìm kiếm danh sách trường trung cấp, cao đẳng địa phương trên mạng.</p> <p>[2.3.TC2b]: HS thảo luận trên web trường về chính sách hỗ trợ học nghề cho HS.</p> <p>[5.2.TC2b]: HS lựa chọn website chính thống để tìm hiểu thông tin tuyển sinh chuẩn xác.</p>	<p>9.A1.1: Hình thành nhận thức phản biện về việc dùng AI lọc danh sách trường nghề so với an toàn dữ liệu.</p> <p>9.A3.2: Nêu cách sử dụng AI như công cụ hỗ trợ thể hiện bản thân khi tìm hiểu các cơ sở GDNN.</p> <p>9.B3.1: Giải thích tầm quan trọng của việc huấn luyện AI cung cấp thông tin tuyển sinh công bằng.</p>
92	SHTCĐ:	1	92	31	Laptop,	Phòng	[1.2.TC2a]: HS so sánh tiêu chí	9.C2.1: Đề xuất ý tưởng ứng dụng AI

	Tìm hiểu hệ thống các cơ sở GDNN				website các trường.	học	<p>tuyển sinh các cơ sở GDNN qua bảng tính điện tử.</p> <p>[2.4.TC2a]: HS sử dụng công cụ thiết kế cộng tác hoàn thiện sơ đồ hệ thống trường nghề.</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp brochure, tệp thông tin tuyển sinh điện tử vào thư mục cá nhân.</p>	<p>để tự động hóa việc so sánh các tiêu chí tuyển sinh phức tạp.</p> <p>9.D1.1: Trình bày vai trò dẫn dắt của con người khi thiết kế các sơ đồ thông tin hướng nghiệp có AI hỗ trợ.</p> <p>9.D2.1: Thực hiện kiểm tra đơn giản để đánh giá độ tin cậy của các thông tin tuyển sinh từ AI.</p>
93	SHL: Báo cáo kết quả tìm hiểu cơ sở GDNN quan tâm	1	93	31	Laptop, bài trình chiếu PPT.	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế bài thuyết trình giới thiệu chi tiết về trường nghề yêu thích.</p> <p>[5.2.TC2c]: HS lựa chọn tùy chỉnh chế độ xem trên website để tìm thông tin nhanh.</p> <p>[3.2.TC2a]: HS thảo luận cách tổng hợp và làm mới thông tin về trường nghề.</p>	<p>9.D1.1: Trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp với AI để biên tập video giới thiệu trường nghề.</p> <p>9.D2.1: Phân tích kết quả tìm hiểu và thử nghiệm cách cải tiến bài báo cáo dựa trên phản hồi của AI.</p> <p>9.B2.1: Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trường nghề trong bài báo cáo có AI hỗ trợ.</p>
94	CHỦ ĐỀ 9 (Tiếp) SHDC: Tọa đàm tham vấn ý kiến chọn nghề	1	94	32	Máy chiếu, video tình huống.	Sân trường	<p>[2.1.TC2a]: HS dùng công nghệ số tương tác, gửi câu hỏi cho thầy cô qua Slido/Mentimeter.</p> <p>[4.2.TC2b]: HS thảo luận việc bảo mật thông tin nhạy cảm khi thực hiện tham vấn trực tuyến.</p> <p>[6.3.TC2a]: HS phân tích hiệu quả chatbot AI trong gợi ý hướng đi nghề nghiệp sơ bộ.</p>	<p>9.A1.1: Phát triển quan điểm phản biện về sự khác biệt giữa lời khuyên của chuyên gia và các gợi ý từ AI.</p> <p>9.A2.2: Giải thích vấn đề thành kiến của AI khi đưa ra lời khuyên chọn nghề cho các nhóm đối tượng khác nhau.</p> <p>9.A3.2: Nêu cách sử dụng AI như công cụ giúp thể hiện đam mê và tìm kiếm tham vấn nghề nghiệp.</p>

95	SHTCĐ: Thực hành tham vấn ý kiến thầy cô, người thân	1	95	32	Smartphon e (ghi âm), tivi.	Phòng học	<p>[2.5.TC2b]: HS thảo luận chiến lược thuyết phục bố mẹ qua tin nhắn khi bất đồng chọn nghề.</p> <p>[5.2.TC2a]: HS giải thích nhu cầu cá nhân về việc được tư vấn qua ứng dụng hướng nghiệp.</p> <p>[5.1.TC2a]: HS nhận diện và khắc phục lỗi âm thanh khi thực hiện tham vấn trực tuyến.</p>	<p>9.A2.2: Giải thích tác động của thuật toán AI đến mối quan hệ gia đình khi có sự bất đồng quan điểm chọn nghề.</p> <p>9.D1.1: Trình bày vai trò của con người là người dẫn dắt trong việc sử dụng AI để tìm giải pháp tham vấn hiệu quả.</p> <p>9.B2.1: Nêu vai trò cá nhân trong việc giám sát và chịu trách nhiệm với các phản hồi từ chatbot tư vấn hướng nghiệp.</p>
96	SHL: Báo cáo kết quả tham quan cơ sở GDNN địa phương	1	96	32	Laptop, video/ảnh tham quan.	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế video clip giới thiệu thu hoạch sau chuyến tham quan thực tế.</p> <p>[2.1.TC2a]: HS thực hiện tương tác, gửi lời cảm ơn đại diện trường nghề qua Email/Zalo.</p> <p>[5.4.TC2c]: HS chỉ ra các kênh tuyển sinh trực tuyến để tiếp tục theo dõi cập nhật.</p>	<p>9.D1.1: Trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp với AI biên tập video thu hoạch sau tham quan.</p> <p>9.D2.1: Phân tích kết quả tham quan và thử nghiệm cách cải tiến bài báo cáo nhờ công cụ AI hỗ trợ.</p> <p>9.B2.1: Chịu trách nhiệm về tính nhân văn của các hình ảnh/video tham quan khi đăng tải lên hệ thống AI.</p>
97	CHỦ ĐỀ 9 (Tiếp) SHDC: Ngày hội tư vấn hướng nghiệp HS cuối cấp	1	97	33	Gian hàng tư vấn số, loa đài.	Sân trường	<p>[1.1.TC2b]: HS dùng smartphone tìm kiếm câu hỏi trên diễn đàn hướng nghiệp.</p> <p>[2.3.TC2a]: HS sử dụng dịch vụ số đăng ký tham gia các workshop hướng nghiệp chuyên sâu.</p> <p>[5.4.TC2c]: HS chỉ ra nơi tìm kiếm</p>	<p>9.A1.1: Hình thành nhận thức phản biện về việc ưu tiên đổi mới AI hướng nghiệp và sự an toàn của người học.</p> <p>9.A3.2: Nêu cách sử dụng AI như công cụ giúp theo đuổi đam mê tại các gian hàng hướng nghiệp.</p> <p>9.B3.1: Giải thích tầm quan trọng của</p>

							các học bổng/khóa học nghề trực tuyến miễn phí.	việc huấn luyện AI tư vấn học bổng công bằng, không bỏ sót.
98	SHTCĐ: Rèn luyện bản thân theo định hướng nghề	1	98	33	Laptop, phần mềm lập kế hoạch.	Phòng học	<p>[3.4.TC2a]: HS liệt kê bước hành động trong kế hoạch phát triển kỹ năng số cho nghề tương lai.</p> <p>[5.3.TC2a]: HS sử dụng app rèn luyện (ngoại ngữ/kỹ năng) đổi mới cách tự học.</p> <p>[6.1.TC2a]: HS áp dụng nguyên tắc AI thiết lập lộ trình học tập tối ưu theo năng lực.</p>	<p>9.A2.2: Giải thích vấn đề thành kiến mà AI có thể gây ra khi gợi ý các khóa rèn luyện kỹ năng.</p> <p>9.A3.1: Thực hành xác định mục tiêu học tập cá nhân trong thế giới có sự hỗ trợ của AI.</p> <p>9.D1.1: Khẳng định vai trò dẫn dắt của con người khi phối hợp cùng AI xây dựng lộ trình rèn luyện bản thân.</p>
99	SHL: Chia sẻ kết quả tham vấn và ra quyết định	1	99	33	Máy tính, hồ sơ hướng nghiệp.	Phòng học	<p>[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số chia sẻ quyết định con đường sau THCS.</p> <p>[5.4.TC2a]: HS thảo luận sự phù hợp của quyết định với yêu cầu NLS của nghề tương lai.</p> <p>[2.6.TC2b]: HS thảo luận việc chuẩn bị bản Digital CV ấn tượng trên các nền tảng.</p>	<p>9.A3.1: Phát triển tư duy phản biện khi phân tích các gợi ý ra quyết định từ hệ thống AI hướng nghiệp.</p> <p>9.D1.1: Trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp với AI biên tập hồ sơ hướng nghiệp (Digital CV).</p> <p>9.D2.1: Thiết kế kiểm tra đơn giản để đánh giá tính phù hợp của quyết định chọn nghề sau khi dùng AI.</p>
100	KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI NĂM HỌC	1	100	34	Đề thực hành, máy tính, tivi.	Phòng học	<p>[3.1.TC2b]: HS thiết kế bài giới thiệu nghề hoàn chỉnh bằng công cụ số (Vlog/PPT).</p> <p>[1.3.TC2a]: HS sắp xếp minh chứng, tệp dữ liệu vào hồ sơ đánh giá cuối năm khoa học.</p>	<p>9.B2.1: Trình bày vai trò cá nhân trong việc chịu trách nhiệm với kết quả sản phẩm bài thi có AI hỗ trợ.</p> <p>9.A3.1: Thể hiện tư duy phản biện khi lựa chọn các thông tin do AI cung cấp cho bài kiểm tra.</p>

							[5.1.TC2b]: HS tự tin lựa chọn các giải pháp kỹ thuật để xong sản phẩm đúng hạn.	9.B3.1: Giải thích tầm quan trọng của tính minh bạch dữ liệu khi AI hỗ trợ giáo viên chấm bài thi.
101	SHTCĐ: Tìm hiểu các con đường học tập sau THCS	1	101	34	Laptop, website trường THPT.	Phòng học	[1.1.TC2d]: HS tổ chức chiến lược tìm kiếm thông tin về ưu, nhược điểm các "con đường". [1.2.TC2a]: HS đánh giá toàn diện yếu tố ảnh hưởng qua bảng phân tích số liệu cá nhân. [4.2.TC2b]: HS thảo luận cách bảo mật mã đăng ký thi tránh rủi ro mất thông tin.	9.A1.1: Phát triển nhận thức phân biệt về việc dùng AI để phân tích các con đường học tập và quyền riêng tư. 9.A3.1: Thực hành xác định mục tiêu học tập suốt đời trong kỷ nguyên AI để chọn đúng lộ trình. 9.B3.1: Nêu cách thu thập dữ liệu thông tin các trường học công bằng để AI hỗ trợ so sánh lộ trình.
102	SHTCĐ: Ra quyết định về con đường học tập (Tiếp)	1	102	34	Smartphone, website Sở GD&ĐT.	Phòng học	[5.2.TC2c]: HS lựa chọn và thực hiện đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên cổng của Sở. [2.1.TC2a]: HS thực hiện tương tác, phản hồi thông báo tuyển sinh trên nền tảng số. [6.3.TC2a]: HS phân tích hiệu quả hệ thống AI tư vấn tuyển sinh để củng cố quyết định.	9.A2.2: Giải thích hậu quả của thuật toán AI định hướng có thể làm hẹp đi sự lựa chọn của HS nếu có thành kiến. 9.A3.2: Nêu cách sử dụng AI như công cụ giúp củng cố niềm tin vào quyết định học tập theo đam mê. 9.D2.1: Thực hiện kiểm tra đơn giản độ chính xác của các phân tích dự báo điểm chuẩn từ AI.
103	CHỦ ĐỀ 9 (Tiếp) SHDC: Diễn đàn "Ra quyết định sau	1	103	35	Loa, micro, website tuyển sinh.	Sân trường	[2.3.TC2b]: HS thảo luận trên trang web của trường về lựa chọn trường THPT/trường nghề. [1.2.TC2b]: HS phân tích, diễn giải dữ liệu từ chuyên gia để hoàn thiện quyết định.	9.A1.1: Hình thành quan điểm phân biệt về thách thức của việc ra quyết định quan trọng trong thế giới có AI. 9.A2.2: Giải thích tác động của AI đối với các chuẩn mực xã hội khi thay đổi con đường học tập truyền thống.

	THCS"						[4.3.TC2c]: HS thảo luận về công nghệ hỗ trợ tìm kiếm việc làm thời vụ sau tốt nghiệp.	9.B2.1: Trình bày vai trò người dùng trong kiểm soát các gợi ý hướng nghiệp cuối cùng từ hệ thống AI.
104	SHTCĐ: Lập kế hoạch phát triển/Tự đánh giá rèn luyện	1	104	35	Laptop, bảng tự đánh giá.	Phòng học	[3.1.TC2b]: HS trực tiếp tạo bản kế hoạch phát triển bản thân bằng công cụ thiết kế số. [1.3.TC2b]: HS tổ chức mục tiêu và nhiệm vụ rèn luyện vào lịch trình số khoa học. [5.4.TC2a]: HS thảo luận sự tiến bộ trong các miền NLS sau một năm học tập.	9.A2.2: Giải thích vấn đề thành kiến do AI gây ra khi đánh giá lộ trình phát triển của các nhóm HS khác nhau. 9.A3.1: Giữ vững tính sáng tạo và cảm xúc khi lập kế hoạch rèn luyện thay vì máy móc theo AI. 9.D2.1: Thiết kế kiểm tra đơn giản để đo lường mức độ hoàn thành kế hoạch sau khi dùng AI hỗ trợ.
105	SHL: Tổng kết năm học/Chia sẻ kết quả rèn luyện	1	105	35	Laptop, video tổng kết năm.	Phòng học	[2.2.TC2a]: HS vận dụng công nghệ số chia sẻ thành tựu rèn luyện cả năm lên nhóm lớp. [3.1.TC2b]: HS tạo video ngắn ghi lại những kỉ niệm đẹp nhất của năm lớp 9. [6.2.TC2a]: HS tối ưu hóa việc dùng AI để tổng hợp, đánh giá khách quan kết quả học tập.	9.D1.1: Trình bày vai trò đồng sáng tạo khi phối hợp với AI biên tập video kỷ niệm năm học cuối cấp. 9.D2.1: Phân tích kết quả rèn luyện cả năm và thử nghiệm cách cải tiến Portfolio nhờ phản hồi của AI. 9.B2.1: Chịu trách nhiệm về tính nhân văn của các sản phẩm tổng kết chia sẻ trên hệ thống AI của trường.

2. Chuyên đề lựa chọn: Không áp dụng.

II. Nhiệm vụ khác (nếu có)

- Hướng dẫn học sinh hoàn thiện **Hồ sơ năng lực số (Digital Portfolio)** cho mục tiêu chuyển cấp.
- Tư vấn trực tuyến qua Zalo/Email cho CMHS về quy trình đăng ký nguyện vọng sau THCS.

- Quản lý kho tư liệu số của lớp (Drive) lưu trữ các sản phẩm trải nghiệm của học sinh cả năm học.